



ACHISON
Vietnam
ISO 9001: 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ACHISON

Văn phòng đại diện: 89/40/06-08 đường Nguyễn Hồng Đào, phường 14, quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam

Tel: 028 3849 2926
Fax: 028 3849 3922
Hotline: 0913 820 539

Kho: Một Phần Kho Xưởng Số 3, Lô III-3, Cụm 2, Nhóm Cn III, Đường số 13 - KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM, Việt Nam

Email: achisonjsc@achison.com
Website: achisonsafety.com.vn
Showroom: showroom.achisonsafety.com.vn

ACHISON
Vietnam
ISO 9001: 2015



**GIẢI PHÁP
CÔNG NGHIỆP**

INDUSTRIAL SOLUTIONS LEADER

Bảo Hộ Lao Động

Bảo vệ đầu	3
Bảo vệ khuôn mặt	4
Bảo vệ thính giác	6
Bảo vệ mắt	7
Bảo vệ hô hấp	8
PAPR	12
SCBA	14
Bảo vệ tay	15
Bảo vệ chân	20
Quần áo bảo hộ	22
Chống rơi ngã trên cao	36
Máy đo khí	46
Thiết bị đo nồng độ cồn & chất gây nghiện	48
Hệ thống cấp khí bằng đường ống & mặt nạ thoát hiểm	49
Lockout - Tagout	50
Giải pháp chứa hóa chất	51
Bồn rửa mắt	52
Bảo vệ cơ sở hạ tầng & môi trường	54
Bảo vệ khớp	56
MRO	
Máy in	58
Vệ sinh và bảo trì	59
Dịch vụ kỹ thuật	60
Dụng cụ cầm tay & đèn chiếu sáng	61
Giải pháp phụ trợ công nghiệp	62
Vật liệu đóng gói	63
Giải Pháp Phòng Sạch	
Phòng sạch	66
Giải Pháp May Mặc	
Đồng phục	70
Giải Pháp Văn Phòng & Quà Tặng	
Giải pháp văn phòng & quà tặng	72
ICT	
ICT	75

■ NÓN BẢO HỘ 3M SERIES H-700



H701R



H701V



Lồng nón 3M H700RS4



Dây quai nón 3M 1990

Màu Sắc



- Chất liệu: HDPE - High Density Polyethylene
- 4 chốt có thể điều chỉnh được
- Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z89.1-2009
- Hạn sử dụng: 5 năm
- Kích thước: Phù hợp với mọi kích cỡ đầu
- Kiểu dáng: Có lỗ / không lỗ thoáng khí
- Tùy chọn in logo nhiều vị trí

■ NÓN BẢO HỘ BULLARD S61R

- Chất liệu: HDPE - High Density Polyethylene
- Đầu nón tròn, lồng nón 4 điểm
- Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z89.1, Cấp độ I Class E và G, Singapore, Tiêu chuẩn SS98
- Kích thước: 6 1/2 – 8 (52-64 cm)
- Tùy chọn in logo nhiều vị trí



S61R

Màu Sắc



NÚT TAI CHỐNG ỒN



3M 1100
- Bọt xốp
- Không dây
- Sử dụng 1 lần
- NRR: 29dB



3M 1110
- Bọt xốp
- Có dây
- Sử dụng 1 lần
- NRR: 29dB



3M 1290
- Isoprene Propylene Copolymer
- Có dây
- Có thể rửa và tái sử dụng
- NRR: 25dB



3M 340-4004
- Polymer mềm
- Có dây
- Có thể rửa và tái sử dụng
- NRR: 25dB



3M 328-1001
- Elastomeric Polymer
- Có dây
- Có thể rửa và tái sử dụng
- NRR: 30dB



Honeywell Max 1
- Bọt xốp
- Không dây
- Sử dụng 1 lần
- NRR: 33dB



Honeywell - SMF30
- Chất đàn hồi nhựa nhiệt dẻo
- Dây đeo vinyl/cotton
- Sử dụng 1 lần
- NRR: 25dB



Honeywell Max 30
- Bọt biển
- Có dây
- Sử dụng 1 lần
- NRR: 33dB



Hộp chia nút tai Honeywell LS400



Hộp chia nút tai 1 lần chạm 3M

CHỤP TAI CHỐNG ỒN



3M - H9A
- Chụp tai qua đầu
- NRR: 25dB
- 10 cái/ thùng



3M - H9P3E
- Chụp tai gắn nón
- NRR: 23dB
- 10 cái/ thùng



Honeywell - Viking V1
- Điều chỉnh linh hoạt nhiều vị trí
- NRR: 25dB
- 29 CFR 1910.95 - OSHA
- ANSI S3.19-1974



Honeywell - Viking V3
- Điều chỉnh linh hoạt nhiều vị trí
- NRR: 25dB
- 29 CFR 1910.95 - OSHA
- ANSI S3.19-1974



Honeywell - Clarity C3H
- Chụp tai gắn nón
- 29 CFR 1910.95 - OSHA
- ANSI S3.19-1974



3M X-Series
- Chụp tai qua đầu
- NRR: 21-31 dB
- Đệm tai: polyurethane
- Chốt điều chỉnh linh hoạt
- Dải băng qua đầu cách điện đến 440V, giảm sự tích tụ nhiệt, thoải mái sử dụng trong thời gian dài



3M - X-series - Gắn nón
- Chụp tai gắn nón
- NRR: 21-31 dB
- Đệm tai: polyurethane
- Chốt điều chỉnh linh hoạt
- Dải băng qua đầu cách điện đến 440V, giảm sự tích tụ nhiệt, thoải mái sử dụng trong thời gian dài



3M Peltor Lite-Com Pro II MT7H7F4010-NA-50
- Chụp tai qua đầu
- NRR: 25 dB
- Tuổi thọ pin: 14-17 giờ, có thể sạc được
- Được tích hợp radio liên lạc hai chiều có thể lập trình, chức năng phụ thuộc vào mức độ và đầu vào âm thanh bên ngoài



3M™ PELTOR™ Tactical™ XP IS Headset-MT1H7P3E2-07-51
- Chụp tai gắn nón
- NRR: 24 dB
- Tuổi thọ pin: 14-17 giờ, có thể sạc được
- Được tích hợp radio liên lạc hai chiều có thể lập trình, chức năng phụ thuộc vào mức độ và đầu vào âm thanh bên ngoài

KÍNH CHỐNG BỤI



3M SF 301AF
- Kích thước phù hợp với mọi kích cỡ mặt
- Chống tia UV 99.9%
- Chống đọng sương
- ANSI Z87.1-2010



3M SF 401AF
- Kích thước phù hợp với mọi kích cỡ mặt
- Chống tia UV 99.9%
- Chống đọng sương
- ANSI Z87.1-2010



3M Tourgard V (Đeo cùng kính cận)
- Tròng kính Polycarbonate chống 99,9% tia UV
- Thiết kế có tấm chắn xung quanh chống văng bắn
- CSA Z94.3 và ANSI Z87.1-2010



HONEYWELL S200A
- ANSI Z87+
- Chất liệu: Polycarbonate
- Chống trầy xước, chống đọng sương
- Thiết kế phù hợp với người Châu Á



HONEYWELL A700
- Tròng kính trong suốt, gọng kính chắc chắn
- Chống va đập, chống trầy xước
- Thiết kế sang trọng, kiểu dáng thể thao phù hợp với mọi kính cỡ mặt



HONEYWELL A800
- Gọng kính chắc chắn
- Chống tia UV 99.9%
- Chống trầy xước, chống va đập
- Thiết kế sang trọng, kiểu dáng thể thao phù hợp với mọi kính cỡ mặt



KY 151
- Chất liệu: Polycarbonate
- Gọng kính màu đen
- Chống tia UV : 99,9%
- Trọng lượng : 30g
- Thiết kế phong cách thời trang, năng động



KY 152
- Chất liệu: Polycarbonate
- Chống va đập
- Chống trầy xước
- Chống tia UV đến 99%
- ANSI Z87.1



Elvex SG-56C-AF
- Tròng kính có thể thay thế dễ dàng
- Chất liệu: Polycarbonate
- Lớp phủ chống đọng sương SuperCoat™



Elvex SG-37C
- Góc xoay và độ dài của gọng kính có thể điều chỉnh
- Chống đọng sương
- Chống va đập, chống trầy xước, chống bụi, chống tĩnh điện



Bullard SE4CAF
- Kiểu dáng ôm kín mắt và hai bên mặt giúp người dùng có tầm nhìn bao quát nhưng vẫn thoải mái và bảo vệ mắt tối ưu
- Chống tia UV : 99,9%
- ANSI/ISEA Z87.1

KÍNH CHỐNG HÓA CHẤT



3M 334
- Có thể đeo ngoài kính cận và kính viễn
- Màu trong suốt
- Vật liệu Polycarbonate chống tia UV 99.9%
- ANSI Z87.1 2003



3M 334AF
- Có thể đeo ngoài kính cận và kính viễn
- Chống đọng sương
- Vật liệu Polycarbonate chống tia UV 99.9%
- ANSI Z87.1 2003



HONEYWELL V-MAXX
- Trọng lượng siêu nhẹ chỉ bằng 1/10 thủy tinh
- Chất liệu Polycarbonate
- Chống văng bắn, chống va đập



HONEYWELL MAXX-PRO
- Chống hóa chất
- Chất liệu Polycarbonate
- Lớp phủ chống đọng sương
- AS/NZS 1337.1 : 2010
- EN 166/EN170/EN 172



ELVEX GG-35G-AF
- Chống đọng sương, chống tia UV 99%
- Chất Liệu: Polycarbonate
- ANSI Z87.1-2010



3M 1621
- 4 lỗ thông hơi 1 chiều
- Chống bụi, chống văng bắn hoá chất
- Khả năng chống tia UV 99,9%.
- ANSI Z87.1-2003

3M 1621AF
- Đeo cùng kính thuốc
- Chất liệu: Polycarbonate
- Chống bụi, chống văng bắn hoá chất, chống đọng sương
- Khả năng chống tia UV 99,9%.
- ANSI Z87.1-201



KHẨU TRANG CHỐNG BỤI

Mã sản phẩm	Hình ảnh	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Mô tả sản phẩm
3M 9001A		- Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Dùng trong môi trường bụi/ sol khí không chứa dầu, dây đeo qua tai - Tiêu chuẩn: P1 AS/ NSZ 1716:2003, EN 143:2000 P1, KN90	3M 9105		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95 - Thiết kế dạng gấp chữ V độc đáo tạo sự thoải mái và tăng cường giao tiếp - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M
3M 9002		- Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Dùng trong môi trường bụi/ sol khí không chứa dầu, dây đeo qua đầu - Tiêu chuẩn: P1 AS/ NSZ 1716:2003, EN 143:2000 P1, KN90	3M 1860		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95, FDA - Thiết kế nhỏ, nhẹ - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M
3M 9001V		- Van thở một chiều 3M - Dùng trong môi trường bụi/ sol khí không chứa dầu - Tiêu chuẩn: P1 AS/ NSZ 1716:2003, EN 143:2000 P1, KN90	3M 1870		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95, FDA - Bảo vệ khỏi bụi và sol khí vô cơ, không sử dụng cho bụi sinh ra do nhiệt - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M
3M 8210		- Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Kết cấu nhỏ, nhẹ - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Tiêu chuẩn NIOSH N95	3M 9502+		- Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Dùng trong môi trường bụi/ sol khí không chứa dầu - Tiêu chuẩn NIOSH KN95 - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi
3M 8822		- Đạt tiêu chuẩn AS/ NSZ 1716:2003, EN 143:2000 P2 - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Van thở một chiều 3M - Thanh điều chỉnh độ kín ở mũi	HONEYWELL H910P H1009101		- Chất liệu Polypropylene - Bảo vệ khỏi các hạt bụi mịn PM2.5 - Đạt tiêu chuẩn KN95 - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Dây đeo qua tai
3M 9332+		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95, P3 - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Van thở một chiều 3M - Đường viền bên trong mềm mang lại sự thoải mái cho người dùng	HONEYWELL H910P H1009102		- Chất liệu Polypropylene - Bảo vệ khỏi các hạt bụi mịn PM2.5 - Đạt tiêu chuẩn KN95 - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Dây đeo qua đầu
3M 9320+		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95 - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Đường viền bên trong mềm mang lại sự thoải mái cho người dùng	Koken 355		- Bảo vệ khỏi các hạt bụi mịn - Thời gian sử dụng có thể kéo dài liên tục lên đến 13 giờ - Van thở một chiều giúp thông thoáng khí, giảm độ kháng trở

KHẨU TRANG CHỐNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm	Hình ảnh	Mô tả sản phẩm	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Mô tả sản phẩm
3M 9541		- 3M 9541 (dây đeo qua tai), 3M 9542 (dây đeo qua đầu) - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến của 3M - Dùng trong môi trường bụi/ hơi hóa chất và có thể làm giảm mùi khó chịu - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Tiêu chuẩn: AS/ NSZ 1716:200, EN 143:2000 P1, GB2626-2006, KN95	3M 8576		- Đạt tiêu chuẩn NIOSH P95 - Tích hợp van thở một chiều 3M - Lớp vật liệu lọc bằng than hoạt tính - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - 8576 làm giảm mùi khó chịu của axit vô cơ - 8577 làm giảm mùi khó chịu của hơi hữu cơ
3M 9542		- 3M 9541V (dây đeo qua tai), 3M 9542V (dây đeo qua đầu) - Van thở một chiều 3M - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến của 3M - Dùng trong môi trường bụi/ hơi hóa chất và có thể làm giảm mùi khó chịu - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Tiêu chuẩn: AS/ NSZ 1716:200, EN 143:2000 P1, GB2626-2006, KN95	3M 8577		- Chứa lớp than hoạt tính lọc mùi hóa chất nhẹ - Hiệu suất lọc bụi trên 95% - Đạt tiêu chuẩn KN95 - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi
3M 9541V		- 3M 9541V (dây đeo qua tai), 3M 9542V (dây đeo qua đầu) - Van thở một chiều 3M - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến của 3M - Dùng trong môi trường bụi/ hơi hóa chất và có thể làm giảm mùi khó chịu - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Tiêu chuẩn: AS/ NSZ 1716:200, EN 143:2000 P1, GB2626-2006, KN95	HONEYWELL H910P H1009101C		- Chứa lớp carbon lọc mùi hóa chất - Thời gian sử dụng có thể kéo dài liên tục lên đến 13 giờ - Van thở một chiều giúp thông thoáng khí, giảm độ kháng trở
3M 9542V		- 3M 9541V (dây đeo qua tai), 3M 9542V (dây đeo qua đầu) - Van thở một chiều 3M - Màng lọc tĩnh điện tiên tiến của 3M - Dùng trong môi trường bụi/ hơi hóa chất và có thể làm giảm mùi khó chịu - Thanh điều chỉnh độ kín khít ở mũi - Tiêu chuẩn: AS/ NSZ 1716:200, EN 143:2000 P1, GB2626-2006, KN95	HONEYWELL H910P H1009102C		- Chứa lớp carbon lọc mùi hóa chất - Thời gian sử dụng có thể kéo dài liên tục lên đến 13 giờ - Van thở một chiều giúp thông thoáng khí, giảm độ kháng trở
3M 9913		- Màng lọc tĩnh điện tiên tiến 3M - Màng lọc than hoạt tính giúp hấp thụ một số hơi khí độc - Tiêu chuẩn châu Âu, EN 149:2001 + A1:2009 P1, KN95	Koken 555		- Chứa lớp carbon lọc mùi hóa chất - Thời gian sử dụng có thể kéo dài liên tục lên đến 13 giờ - Van thở một chiều giúp thông thoáng khí, giảm độ kháng trở

MẶT NẠ NỬA MẶT 3M

Mã sản phẩm	Hình ảnh	Thông tin chi tiết	Bộ lọc	Tiêu chuẩn
SERIES 3000		- Size nhỏ (3100)/Size trung bình (3200) - Thiết kế nửa mặt cho phép tầm nhìn rộng - Trọng lượng nhẹ, cho phép người dùng sử dụng được trong thời gian dài - Mềm mại, đàn hồi phù hợp với khuôn mặt, đảm bảo thoải mái trong thời gian dài - Hệ thống dây đeo dễ tháo gỡ	Hơi dung môi và hơi axit Bảo vệ khỏi bụi Bảo vệ khỏi khí, hơi và hạt	EN140:1998
HF 51		- Size nhỏ HF51, size lớn HF52 - Chất liệu: Silicon nhẹ, có khả năng chịu nhiệt, đàn hồi - Van thở hướng xuống giúp giảm bớt nhiệt hình thành trong mặt nạ và giảm hình thành đọng sương khi mang kính an toàn	Bảo vệ khỏi hạt Bảo vệ khỏi khí và hơi Bảo vệ khỏi khí, hơi và hạt	Tiêu chuẩn New Zealand, Hàn Quốc, Úc GB2626:2006 KN95
HF 52		- Size nhỏ HF51, size lớn HF52 - Chất liệu: Silicon nhẹ, có khả năng chịu nhiệt, đàn hồi - Van thở hướng xuống giúp giảm bớt nhiệt hình thành trong mặt nạ và giảm hình thành đọng sương khi mang kính an toàn	Bảo vệ khỏi hạt Bảo vệ khỏi khí và hơi Bảo vệ khỏi khí, hơi và hạt	Tiêu chuẩn New Zealand, Hàn Quốc, Úc GB2626:2006 KN95

PHIN LỌC 3M CHO MẶT NẠ NỬA MẶT

Mã sản phẩm	Hình ảnh	Thông tin chi tiết
3301K-55		Phin lọc hơi hữu cơ Sử dụng cho mặt nạ Series 3000
3301K-100		Phin lọc hơi hữu cơ Sử dụng cho mặt nạ Series 3000
7711		Tấm lọc bụi Sử dụng cho mặt nạ Series 3000 và 7700
774		Nắp đậy tấm lọc Sử dụng cho tấm lọc bụi 7711
1744		Phin lọc bụi, khí, hơi hữu cơ Sử dụng cho mặt nạ Series 3000
1700		Nắp đậy tấm lọc Sử dụng cho tấm lọc 1744



MẶT NẠ NỬA MẶT VÀ NGUYÊN MẶT NẠ NGUYÊN MẶT - MẶT NẠ 2 PHIN LỌC



SERIES 6000

- Size: Nhỏ (6100), Trung bình (6200), Lớn (6300)
- Dây đeo qua đầu được thiết kế vừa vặn vừa khít với đầu
- Chất liệu nhẹ có tính đàn hồi tạo sự thoải mái trong suốt quá trình làm việc
- Thiết kế nửa mặt, cấu hình thấp không che chắn tầm nhìn
- Thiết kế 2 phin lọc giúp dễ dàng hô hấp hơn
- Hệ thống lắp kết nối với các bộ lọc để bảo vệ khỏi các khí, hơi và dạng hạt
- Tiêu chuẩn: EN 140:1998

SERIES 6000

- Size: Nhỏ (6700), Trung bình (6800), Lớn (6900)
- Mặt nạ nguyên mặt có thể tái sử dụng, trọng lượng nhẹ mang lại sự thoải mái và dễ sử dụng
- Tấm kính lớn có tầm nhìn rộng, dễ dàng nhìn bao quát xung quanh
- Thiết kế cân đối, mặt nạ làm bằng silicon để tăng cường sự thoải mái, bền và dễ lau chùi
- Nắp van thoát hơi hướng xuống giúp đưa hơi thở và hơi ẩm ra ngoài
- Van Cool Flow độc quyền giúp thở dễ dàng hơn, mang đến sự thoải mái khô ráo và mát mẻ
- Tiêu chuẩn: EN140:1998

SERIES 7500

- Size: Nhỏ (7501), Trung bình (7502), Lớn (7503)
- Chất liệu Silicon mềm mại, tạo sự thoải mái và bền
- Vùng sống mũi mỏng tạo sự thoải mái
- Nắp van thoát hơi hướng xuống giúp đưa hơi thở và hơi ẩm ra ngoài
- Van 3M Cool Flow độc quyền làm giảm tích tụ nhiệt mang lại sự thoải mái ngay cả trong điều kiện nóng và ẩm ướt
- Hệ thống linh hoạt cho phin lọc khí, hơi và hạt
- Tiêu chuẩn: EN 140:1998

PHIN LỌC BẢO VỆ HÔ HẤP CHO MẶT NẠ NỬA MẶT VÀ NGUYÊN MẶT - MẶT NẠ 2 PHIN LỌC



- 3M 6001** Hơi hữu cơ
- 3M 6002** Hơi vô cơ
- 3M 6003** Hơi hữu cơ và vô cơ
- 3M 6004** Hơi Amoniac/ Methylamine
- 3M 6005** Formaldehit/ Hơi hữu cơ
- 3M 6006** Hơi hỗn hợp hữu cơ và vô cơ/ Amoniac/ Methylamin, Formaldehit và HF



- 3M 6009** Hơi thủy ngân và khí Clo
- 3M 2091** Bảo vệ khỏi khói hàn
- 3M 2097** Bảo vệ khỏi bụi gốc dầu và không dầu với mùi khó chịu
- 3M 7093** Cục lọc bảo vệ khỏi bụi, sol khí
- 3M 5N11** Tấm lọc bụi
- 3M 501** Nắp giữ tấm lọc

TẤM LỌC BỤI CHO MẶT NẠ KOKEN TẤM LỌC MICRON MIGHTY

Bộ lọc Micron Mighty, với công nghệ độc đáo chỉ có tại Koken và đã qua kiểm chứng, có thể giữ được các loại bụi tĩnh điện một cách hiệu quả. Không giống với bộ lọc cơ khí có kết cấu sợi dày, bộ lọc tĩnh điện cho hiệu suất lọc bụi đáng kể với độ kháng hít thấp



- Tấm lọc bụi Micron Mighty 1005 (1005 MMF)** Sử dụng với mặt nạ 1005R/ 1005RR
- Sử dụng với mặt nạ 1010A**
- Tấm lọc bụi Micron Mighty 1021 (1021MMF)** Sử dụng với mặt nạ 1021R

PHIN LỌC CHO MẶT NẠ KOKEN PHIN LỌC ALPHA RING

Bộ lọc vòng Alpha chứa các vòng lọc bằng sợi thủy tinh, được đúc thành hình trụ để tăng khối lượng vòng lọc trong phin lọc. Do vòng lọc có độ lớn tối đa bằng 12 lần so với hình dạng bên ngoài của cục lọc, nên độ kháng hít của bộ lọc sẽ thấp hơn và thời gian sử dụng lâu hơn.



- LAS-11** Sử dụng với mặt nạ 1111
- LAS-51C** Sử dụng với mặt nạ 1180C
- RD-5** Sử dụng với mặt nạ 1821H



MẶT NẠ KOKEN

Model 1005R

Số chứng nhận kiểm định quốc gia: TM196

RL2 Loại cơ bản dùng trong môi trường hàn với bộ kiểm tra độ khớp gắn sẵn

Hiệu suất lọc	Trên 95,0%	Trung bình 99,1%
Độ kháng hít	50±25Pa	Trung bình 58Pa
Độ kháng thở	32±20Pa	Trung bình 33Pa
Giá trị kháng hít tăng	—	Trung bình 73Pa
Trọng lượng	145±20g	Trung bình 146g
Dây đeo qua đầu	Loại RB	



Các bộ phận thay thế

- Van hít – hình ô-van
- Van thở, loại T-6k
- Miếng hút ẩm, hình quả trứng
- Facelet – loại P

Model 1010A

Số chứng nhận kiểm định quốc gia: TM198

RL1 Mặt nạ nhỏ gọn với bộ kiểm tra độ khớp gắn sẵn, trọng lượng 76g.

Hiệu suất lọc	Trên 80,0%	Trung bình 94,8%
Độ kháng hít	50±20Pa	Trung bình 63Pa
Độ kháng thở	40±23Pa	Trung bình 44Pa
Giá trị kháng hít tăng	—	Trung bình 98Pa
Trọng lượng	76±15g	Trung bình 78g
Dây đeo qua đầu	Loại RB	



Các bộ phận thay thế

- Van hít – hình ô-van
- Van thở, loại T-6k
- Miếng hút ẩm, hình quả trứng
- Facelet, loại S

Model G-7

Số chứng nhận kiểm định quốc gia: TN 382

Mặt nạ chống hóa chất, trọng lượng nhẹ dùng trong phun sơn v.v..

Trọng lượng (chỉ tính mặt nạ)	74±15g
Phin lọc (tùy chọn)	series KGC-10, KGC-10L và KGC-10MC
Dây đeo qua đầu	Loại RB



Bộ phận thay thế

- Van hít – hình ô-van loại 03
- Van thở – loại T-7K
- Miếng hút ẩm – loại A

Model GW-7

Số chứng nhận kiểm định quốc gia: TN230

Mặt nạ 2 phin lọc dùng trong phun sơn, trọng lượng nhẹ v.v., có đặc điểm nổi bật là thời gian sử dụng gấp đôi và dễ thở hơn

Trọng lượng (chỉ tính mặt nạ)	Dưới 133g series KGC-10, KGC-10L và KGC-10MC (2 cái cho mỗi mặt nạ)
Phin lọc (tùy chọn)	
Dây đeo qua đầu	Loại RB



Bộ phận thay thế

- Van hít – hình tròn
- Van thở – loại T-7K
- Miếng hút ẩm – hình quả trứng

Model 1180C

Số chứng nhận kiểm định quốc gia: TM 229

RL2 Mặt nạ sử dụng với bộ lọc cac-bon hỗn hợp để loại bỏ lượng tạp chất hữu cơ/ mùi ô-zôn hàm lượng thấp.

Hiệu suất lọc	Trên 95,0%	Trung bình 97,3%
Độ kháng hít	65±15Pa	Trung bình 68Pa
Độ kháng thở	35±20Pa	Trung bình 37Pa
Giá trị kháng hít tăng	—	Trung bình 112Pa
Trọng lượng	89±15g	Trung bình 89g
Dây đeo qua đầu	Loại RB	



Bộ phận thay thế

- Van hít – loại 36
- Van thở – loại T-6K
- Miếng hút ẩm – loại A
- Facelet – loại P

Model R-5

Số chứng nhận kiểm định quốc gia TN258

Loại cơ bản với đặc trưng cấu trúc cảm dưới nhiều vị trí

Trọng lượng (chỉ tính mặt nạ)	117±20g
Phin lọc (tùy chọn)	series KGC-1, KGC-5MC
Dây đeo qua đầu	Loại RB



Bộ phận thay thế

- Van hít – hình vuông
- Van thở – loại T-6K
- Miếng hút ẩm – loại A

*1 Mức thâm nhập tối đa cho phép (Nồng độ): *2 Tuổi thọ sản phẩm được công bố trên bảng là tiêu chí nội bộ của Koken

Giá trị tối đa nồng độ khí thử nghiệm đo được ở phía hít vào của phin lọc không vượt quá mức độ thâm nhập, khi không khí hòa lẫn với khí thử nghiệm đi qua phin lọc



LỰA CHỌN PHIN LỌC CHỐNG HÓA CHẤT VÀ TUỔI THỌ SỬ DỤNG

Mã số A, C, H, S biểu thị các phin lọc được phê duyệt theo tiêu chuẩn Nhật Bản

Chất khí		Khí Halogen	Khí Axit	Hơi hữu cơ	Amoniac	Sulfur Dioxide	Hydrogen Sulfide	Ethylene oxide	Formaldehyde	Đặc tính	
BẢNG CHỮ CÁI VÀ MÃ HÓA MÀU SẮC		A	B	C	H	S	K				
Kiểm tra khí		Chlorine	Hydrogen Chloride	Cyclohexane	Ammonia	Sulfur Dioxide	Hydrogen Sulfide	Ethylene oxide	Formaldehyde		
Mức thâm nhập tối đa cho phép (Nồng độ *1)		1ppm	5ppm	5ppm	50ppm	5ppm	10ppm	1ppm	0.08ppm 0.25ppm		
Loại Phin lọc		Nồng độ khí thử									
Mặt nạ sử dụng											
Phin lọc chống hóa chất	KGC-1M	R-5, RR-7								Trọng lượng nhẹ, khả năng chống luồng không khí thấp	
	KGC-1L Series	R-5, RR-7	KGC-1L(A) cho khí halogen trên 250 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-1L(B) cho khí axit trên 430 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-1L(C) cho hơi hữu cơ trên 260 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-1L(C) cho amoniac trên 140 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-1L(S) cho sulfur dioxide trên 70 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-1L(K) cho hydrogen sulfide trên 300 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)		Vòng đời dài, loại phin lọc hạt S1 với việc sử dụng phin lọc trước	
	KGC-1S Series	R-5, RR-7			KGC-1S(C) cho hơi hữu cơ trên 85 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)					Trọng lượng nhẹ, cấu hình thấp, loại phin lọc hạt S1 với việc sử dụng phin lọc trước	
	KGC-5MC	R-5, RR-7			KGC-1S(C) trên 85 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)					Cấu hình thấp, phin lọc trước tích hợp (phân loại S1)	
	KGC-10 Series	G-7, GW-7	KGC-10(A) cho khí halogen trên 100 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-10(B) cho khí axit trên 120 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)	KGC-10(C) cho hơi hữu cơ trên 90 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)				KGC-10EOG trên 30 phút	KGC-10FA Trên 90 phút. Trên 250 phút	Gọn nhẹ, trọng lượng nhẹ, loại ren, loại phin lọc hạt S1 với việc sử dụng phin lọc trước
	KGC-10L	G-7, GW-7			KGC-10L(C) cho hơi hữu cơ trên 200 phút. w/ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)						Gọn nhẹ, trọng lượng nhẹ, loại ren
	KGC-10MC	G-7, GW-7			KGC-10MC trên 80 phút./ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)						Gọn nhẹ, trọng lượng nhẹ, loại phin lọc hạt S1 với việc sử dụng phin lọc trước
	KGC-10L OVAG	G-7, GW-7, HV-7		KGC-10L OVAG cho khí axit trên 250 phút	KGC-10L OVAG cho hơi hữu cơ trên 200 phút./ bộ lọc trước (trên 80.0% hiệu quả lọc)						Trọng lượng nhẹ: 67g 81g với phin lọc, loại phin lọc hạt S1 với việc sử dụng phin lọc trước

Selection of Cartridges, Service Life on Target Gas and Filtering Efficiency on Particulates *2



MẶT NẠ DƯỠNG KHÍ 3M™ VERSAFLO™ TR-300

- ĐẶC TÍNH**
- Trọng lượng nhẹ, nhỏ gọn
 - Dễ sử dụng
 - Bảo trì đơn giản
 - Bảo vệ an toàn, đáng tin cậy
 - Thiết kế cho sử dụng tối ưu

Thông tin kỹ thuật	Pin tối ưu TR-322	Tiết kiệm Pin TR-330
Đòng đời Pin (với bộ lọc mới và được sạc đầy pin)	8-12 giờ*	4-6 giờ*
Thời gian sạc pin	Dưới 3.5 giờ	Dưới 3.0 giờ
Tỉ lệ lưu lượng	190 LPM (6.7 cfM)	190 LPM (6.7 cfM)
Trọng lượng (bao gồm dây đai, phin lọc, pin và toàn bộ bộ lọc)	Khoảng 2.4 lbs (1077 g)	Khoảng 2.0 lbs (918 g)
Kích thước	Khoảng 7 7/8 x 8 1/4 x 3 3/8 inch (197 x 210 x 85mm)	Khoảng 7 7/8 x 8 1/4 x 3 3/8 inch (197 x 190 x 85mm)
Độ cao hoạt động	Khoảng 2,600ft (800m) mực nước biển	
OSHA Hệ số bảo vệ được chỉ định (APF)	APF 25 hoặc 1000 tùy thuộc vào sự kết hợp với mũ đội đầu	



MẶT NẠ LỌC KHÍ (PAPR) DRAGER X-PLORE 8000

- TÍNH NĂNG - ĐẶC ĐIỂM**
- Mạnh mẽ:** Được thiết kế để sử dụng hàng ngày trong môi trường khắc nghiệt, ngay cả trong điều kiện có nguy cơ nổ
 - Thoải mái:** Giúp người lao động luôn tập trung vào công việc
 - An toàn:** Thao tác đơn giản nhằm giảm thiểu lỗi người dùng
 - Dễ bảo dưỡng:** Dễ dàng vệ sinh thiết bị và phụ kiện
 - Kết cấu:** Có rất nhiều bộ phận cho tất cả các mục đích sử dụng



- Hệ thống cảnh báo thông minh: 2 cấp độ phân biệt mức độ rủi ro
- Công nghệ pin Lithium-ion: Thời gian hoạt động từ 4 - 20 giờ tùy thuộc vào điều kiện làm việc và thiết lập hệ thống
- Bảo vệ IP65: Bảo vệ tối ưu và làm sạch dễ dàng
- Bộ lọc với công nghệ cảm biến tiên tiến
- Điều hòa tự động lượng khí vào mặt nạ

THIẾT BỊ THỞ CÁ NHÂN (SCBA)



Dräger PAS Lite

Được sử dụng trong các ngành công nghiệp, thiết kế đơn giản, dễ dàng sử dụng. (SCBA - Thiết bị thở cá nhân) DrägerPAS® Lite là sự kết hợp của độ tin cậy, tính thuận tiện và hiệu quả.



Dräger PSS 3000

Dräger PSS® 3000 được thiết kế dành cho nhiều mục đích sử dụng với ưu tiên hàng đầu về sự đơn giản, tính dễ sử dụng, trọng lượng nhẹ, chắc chắn và dễ đeo. Thiết bị thở này giúp bảo vệ hô hấp một cách đáng tin cậy.



Dräger PSS 4000

Dräger PSS® 4000 - Thiết bị thở khép kín chuyên nghiệp nhất dành cho lính cứu hỏa. SCBA này được thiết kế cho các ứng dụng mà tính đơn giản và dễ sử dụng được ưu tiên. Nhẹ nhưng chắc chắn và dễ dàng mang theo, PSS® 4000 cung cấp khả năng bảo vệ hô hấp vượt trội.



Dräger PSS 5000

Dräger PSS® 5000 SCBA là thiết bị thở hiệu suất cao dành cho lính cứu hỏa chuyên nghiệp. Kết hợp giữa sự tiện dụng cao và nhiều tùy chọn có thể tùy chỉnh, Dräger PSS® 5000 mang đến cho người dùng cảm giác thoải mái và tính đa năng để đáp ứng nhu cầu của những người cứu hộ đi đầu khi cần phải sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp



Honeywell Titan

Honeywell đã phát triển TITAN® SCBA với chức năng nâng cao về an toàn, độ tin cậy và khả năng sử dụng, thông qua sự hợp tác và thử nghiệm rộng rãi với các nhân viên cứu hỏa. TITAN trực quan và dễ sử dụng, đồng thời mang lại sự thoải mái và linh hoạt khi di chuyển. Tiêu chuẩn: 1981: 2013 NFPA. | NIOSH-Certified| CBRN-Certified



Honeywell Cougar

Survivair Cougar là thiết bị trợ thở cá nhân (SCBA) dùng trong công nghiệp, dành cho người dùng không yêu cầu tiêu chuẩn NFPA nhưng vẫn cần thiết bị bảo vệ hô hấp đối với những môi trường mà có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe. Sự đơn giản trong thiết kế giữ cho mức chi phí ổn định nhưng vẫn cung cấp tối đa mức độ an toàn, thoải mái và tiện lợi



Honeywell T8000

Thiết bị trợ thở SCBA Honeywell T8000 là thiết bị trợ thở được thiết kế đảm bảo an toàn hiệu quả bảo vệ đường hô hấp của người sử dụng trong phòng cháy chữa cháy và lao động công nghiệp tuân thủ theo tiêu chuẩn EN137, Loại 2 (Type 2)



Fenzy X-Pro SCBA

Fenzy X-Pro SCBA tích hợp nhiều yếu tố an toàn thụ động và chức năng mô-đun, cung cấp sự bảo vệ tối ưu cho người dùng trong mọi loại môi trường và ứng dụng khắc nghiệt. Tiêu chuẩn: EN 137 Loại 2: 2006, SOLAS, MED, IMO, MSC, ISO 23261-3



Fenzy Aeris Comfort (AS/NZS)

Bình khí thở SCBA Honeywell Fenzy Aeris - Cung cấp khí thở cho người sử dụng trong không hạn chế, môi trường làm việc có chất độc chưa xác định tên, nồng độ hoặc nồng độ oxy dưới mức cho phép 17%. Tiêu chuẩn: MED, SOLAS và AS/NZS 1716

Bình thở khí nén Dräger



Bình thở khí nén Dräger được thiết kế bằng công nghệ hàng đầu và vật liệu tiên tiến. Bình thở khí nén có thể ứng dụng vào các thiết bị bảo vệ hô hấp. Chúng tôi cung cấp nhiều loại bình thở khí nén được làm bằng sợi cacbon đến vật liệu thép giúp trọng lượng nhẹ và tuổi thọ hoạt động không giới hạn (NLL)

Bình khí nén 300 Bar 769



Bình khí nén được làm từ vật liệu tổng hợp gồm sợi carbon và kim loại và dùng chứa khí đạt tiêu chuẩn thở theo EN 12245

Safe Cylinder



Bình khí nén được sản xuất bằng cách quấn các lớp sợi carbon và sợi Kevlar® Aramid trong sợi dọc epoxy trên lớp lót PET, cho phép lưu trữ khí dưới áp suất cao. Bình khí nén có đặc tính rào cản cao để đảm bảo lưu trữ khí an toàn. Khí được lưu trữ trong bình được giữ sạch và an toàn cho người sử dụng.

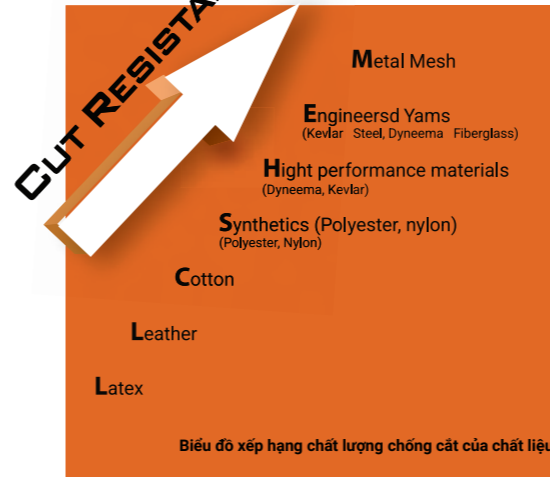
GĂNG TAY CHỐNG CẮT

Tiêu chuẩn EN388

Cấp độ	Chỉ số cắt trung bình (10 phép đo)
0	< 1.2
1	1.2 - 2.4
2	2.5 - 4.9
3	5.0 - 9.9
4	10.0 - 19.9
5	>20

Tiêu chuẩn ANSI/ISEA 105

Cấp độ	Trọng lượng cần thiết (gam) để cắt qua 1 inch (25mm)
0	< 199
1	200 - 499
2	500 - 999
3	1000 - 1499
4	1500 - 3499
5	>3500



Showa 521

- Áp dụng công nghệ HAGANE coil là sự kết hợp giữa lõi thép không gỉ và sợi Kevlar tạo nên đặc tính chống cắt cao nhất
- Có độ bền cao, có thể giặt được và tái sử dụng
- Tiêu chuẩn: EN 420, EN 288:254
- Cấp độ chống cắt: 5



Showa S-TEX KV3

- Lót lót được dệt bằng sợi Kevlar® kết hợp với sợi thép không gỉ tạo nên độ chống cắt tối ưu nhất
- Đàn hồi, dễ thao tác đối với tất cả các sản phẩm thủy tinh, kim loại hoặc công trình xây dựng và các công trình công cộng
- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016, EN 16350: 2014
- Cấp độ chống cắt: 5



Ansell Hyflex 11-800/11-801

- Găng tay Ansell Hyflex 11-800 /11-801 có thiết kế cải thiện độ thoáng khí lên đến 30%. Giúp tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trong thời gian dài
- Công nghệ dệt kim tiên tiến cho phép sự linh hoạt và co giãn, tăng cường sự thoải mái và khả năng chống cắt cấp độ 1



Găng Tay Chống Cắt 3M

- Cấp độ chống cắt: 1-3-5
- Tiêu chuẩn: EN388, EN420
- Chất liệu: HPPE, Sợi Đất Sét, Polyamide, Spandex
- Có độ bền cao, có thể giặt được và tái sử dụng



Ansell Hyflex 11-735

- Cấp độ chống cắt: 4
- Lót phủ PU lòng bàn tay giúp nâng cao độ bám trong môi trường khô và ít dầu
- Tiêu chuẩn: ANSI 6, ANSI A4, EN 388



Honeywell Chainex 2000

- Chất liệu: Thép không gỉ
- Thiết kế đáp ứng tiêu chuẩn hình thái học và công thái học, chống cắt và mài mòn cao
- Kích cỡ: XXS - XXL
- Tiêu chuẩn: EN 1082 - 1



Ansell 80-600

- Cấp độ chống cắt: 4
- Tiêu chuẩn: EN 388 (4543), ANSI cấp độ 4
- Lót lót dệt kim Kevlar® và lớp phủ cao su tự nhiên tăng khả năng mài mòn, chống rách và chống đâm thủng
- Găng tay Ansell 80-600 không chứa silicone ngăn ngừa dầu vôn tay trên mặt kính cách nhiệt, giữ cho bề mặt sạch



Ansell 11-724

- Ansell Hyflex 11-724 được sản xuất từ công nghệ INTERCEPT có khả năng chống cắt, mang lại sự thoải mái khi sử dụng
- Lớp phủ polyurethane giúp găng tay có sự linh hoạt và độ bám chắc chắn trong môi trường khô đến ít dầu.
- Tiêu chuẩn: EN ISO 21420 : 2020, EN 39: 2016: 4342B



Jogger Shield

- Găng tay chống cắt cấp độ 5 giúp bảo vệ an toàn cho người dùng trong nhiều lĩnh vực, phù hợp dùng trong các công trường xây dựng, các nhà máy sản xuất, xưởng cơ khí, hầm mỏ,...
- Chất liệu: HDPE (High performance polyethylene) và lớp phủ PU
- Tiêu chuẩn: EN 388:2016



Ống tay chống cắt và chịu nhiệt Ansell 70-138

- HyFlex® 70-138 ống tay chống cắt và chịu nhiệt
- Thiết kế có vòng giữa ngón cái và 4 ngón còn lại, kèm miếng khóa dán nhằm cố định vị trí ống tay trong thời gian dài làm việc
- Ống tay được dệt từ 100% sợi Kevlar® tăng khả năng chống cắt (cấp độ 3), độ linh hoạt và sự thoải mái

BẢNG LỰA CHỌN GĂNG TAY CHỐNG HÓA CHẤT

Hóa chất	Neoprene	Latex/Rubber	Butyl	Nitrile	Hóa chất	Neoprene	Latex/Rubber	Butyl	Nitrile
Acetaldehyde*	VG	G	VG	G	Ketones	G	VG	VG	P
Acetic acid	VG	VG	VG	VG	Lacquer thinners	G	F	F	P
Acetone*	G	VG	VG	P	Lactic acid (85%)	VG	VG	VG	VG
Ammonium hydroxide	VG	VG	VG	VG	Lauric acid (36%)	VG	F	VG	VG
Amy acetate*	F	P	F	P	Linoleic acid	VG	P	F	G
Aniline	G	F	F	P	Linseed oil	VG	P	F	VG
Benzaldehyde*	F	F	G	G	Maleic acid	VG	VG	VG	VG
Benzene*	P	P	P	F	Methyl alcohol	VG	VG	VG	VG
Butyl acetate	G	F	F	P	Methylamine	F	F	G	G
Butyl alcohol	VG	VG	VG	VG	Methyl bromide	G	F	G	F
Carbon disulfide	F	F	F	F	Methyl chloride*	P	P	P	P
Carbon tetrachloride*	F	P	P	G	Methyl ethyl ketone*	G	G	VG	P
Castor oil	F	P	F	VG	Methyl isobutyl ketone*	F	F	VG	P
Chlorobenzene*	F	P	F	P	Methyl methacrylate	G	G	VG	F
Chloroform*	G	P	P	F	Monoethanolamine	VG	G	VG	VG
Chloronaphthalene	F	P	F	F	Morpholine	VG	VG	VG	G
Chromic acid (50%)	F	P	F	F	Naphthalene	G	F	F	G
Citric acid (10%)	VG	VG	VG	VG	Napthas, aliphatic	VG	F	F	VG
Cyclohexanol	G	F	G	VG	Napthas, aromatic	G	P	P	G
Dibutyl phthalate*	G	P	G	G	Nitric acid*	G	F	F	F
Diesel fuel	G	P	P	VG	Nitric acid, red and white fuming	P	P	P	P
Diisobutyl ketone	P	F	G	P	Nitromethane (95.5%)*	F	P	F	F
Dimethylformamide	F	F	G	G	Nitropropane (95.5%)	F	P	F	F
Diocetyl phthalate	G	P	F	VG	Octyl alcohol	VG	VG	VG	VG
Dioxane	VG	G	G	G	Oleic acid	VG	F	G	VG
Epoxy resins, dry	VG	VG	VG	VG	Oxalic acid	VG	VG	VG	VG
Ethyl acetate*	G	F	G	F	Palmitic acid	VG	VG	VG	VG
Ethyl alcohol	VG	VG	VG	VG	Perchloric acid (60%)	VG	F	G	G
Ethyl ether*	VG	G	VG	G	Perchloroethylene	F	P	P	G
Ethylene dichloride*	F	P	F	P	Petroleum distillates (naphtha)	G	P	P	VG
Ethylene glycol	VG	VG	VG	VG	Phenol	VG	F	G	F
Formaldehyde	VG	VG	VG	VG	Phosphoric acid	VG	G	VG	VG
Formic acid	VG	VG	VG	VG	Potassium hydroxide	VG	VG	VG	VG
Freon 11	G	P	F	G	Propyl acetate	G	F	G	F
Freon 12	G	P	F	G	Propyl alcohol	VG	VG	VG	VG
Freon 21	G	P	F	G	Propyl alcohol (iso)	VG	VG	VG	VG
Freon 22	G	P	F	G	Sodium hydroxide	VG	VG	VG	VG
Furfural*	G	G	G	G	Styrene	P	P	P	F
Gasoline, leaded	G	P	F	VG	Styrene (100%)	P	P	P	F
Gasoline, unlead	G	P	F	VG	Sulfuric acid	G	G	G	G
Glycerin	VG	VG	VG	VG	Tannic acid (65)	VG	VG	VG	VG
Hexane	F	P	P	G	Tetrahydrofuran	P	F	F	F
Hydrazine (65%)	F	G	G	G	Toluene*	F	P	P	F
Hydrochloric acid	VG	G	G	G	Toluene diisocyanate (TDI)	F	G	G	F
Hydrofluoric acid (48%)	VG	G	G	G	Trichloroethylene*	F	F	P	G
Hydrogen peroxide (30%)	G	G	G	G	Triethanolamine (85%)	VG	G	G	VG
Hydroquinone	G	G	G	F	Tung oil	VG	P	F	VG
Isooctane	F	P	P	VG	Turpentine	G	F	F	VG
Kerosene	VG	F	F	VG	Xylene*	P	P	P	F

VG	Very Good	F	Fair
G	Good	P	Poor (Không khuyến khích)



GĂNG TAY CHỐNG HÓA CHẤT



Ansell 37-676

- Ansell 37-676 giúp bảo vệ tay trong môi trường có dung môi, hóa chất, dầu mỡ,...

- Găng tay có thể tái sử dụng nhiều lần với độ bền và độ mài mòn cao, mang lại sự thoải mái cho người sử dụng

- Chiều dài: 330 mm / 13 inch

- Tiêu chuẩn: EN 388 (2001), EN374 AKL, EN374



Ansell 37-175

- Chiều dài: 330 mm / 12,9 inch

- Độ dày: 0,46 mm/17mil

- Lớp phủ nitrile giúp cho găng tay bền hơn so với các chất thay thế cao su hoặc cao su tổng hợp có cùng độ dày, với khả năng chống mài mòn EN và ANSI cấp độ 4

- Tuân thủ các quy định về xử lý thực phẩm của FDA 21 CFR 177.2600



Ansell 37-185

- Ansell 37-185 được thiết kế sử dụng trong môi trường làm việc ướt hoặc khô, bảo vệ tay khỏi hóa chất, axit loãng, dầu mỡ...

- Ansell 37-185 cung cấp khả năng chống trượt, đâm thủng và chống mài mòn vượt trội

- Chiều dài: 457 mm / 18 inch

- Độ dày: 0,56 mm/ 22 mil

- Tiêu chuẩn: EN 388 (4102), EN 374 AKL, EN1149



Ansell 47-409

- Găng tay chống dầu cùng khả năng chống mài mòn cao, tiêu chuẩn EN và ANSI. Chất liệu không chứa silicone, không để lại dấu vết trên bề mặt kim loại trước khi sơn

- Lớp phủ nitrile tăng khả năng chống cơ học và khả năng chống thấm dầu.

- Chiều dài: 273-289 mm / 10,74-11,37 inch

- Tiêu chuẩn: EN 420: 2003 + A1: 2009 Loại II, EN ISO 21420: 2020



Ansell 58-435

- Công nghệ Ansell Grip giúp tối ưu khả năng cầm nắm và thao tác khi xử lý các vật trong môi trường dầu hoặc ẩm ướt

- Lớp phủ hợp chất nitrile cao cấp (Chống hóa chất, chống mài mòn, đâm thủng) cùng với lớp lót vải Cotton Flock tạo cảm thoải mái

- Tiêu chuẩn: EN ISO 21420:2020, ANSI:5, EN388:2016 (4001A)



Showa 160

- Găng tay chống hóa chất Showa 160 được thiết kế để tạo sự thoải mái và linh hoạt trong thời gian dài sử dụng.

- Lớp phủ PVC bảo vệ bàn tay khỏi hóa chất.

- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 2000X, EN ISO 374-1: 2016 / Loại C, ISO 374-5: 2016



Showa 660

- Được phủ lớp PVC giúp bảo vệ bàn tay và cánh tay khỏi hóa chất, môi trường dầu nhớt

- Lớp lót bông mềm mại liền mạch giúp loại bỏ hơi ẩm để ngăn mùi hôi

- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 4121X, EN ISO 374-1: 2016 / Loại B, ISO 374-5: 2016



Showa 730

- Được phủ lớp nitrile (NBR) chống mài mòn, chống nhiều loại dung môi, dầu mỡ và các hóa chất khác

- Có độ bền cao, có thể giặt được và tái sử dụng

- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 2001X, EN ISO 374-1: 2016 / Loại A, ISO 374-5: 2016



Showa CT205

- Găng tay chống hóa chất Showa CT205 được phủ lớp nitrile (NBR) giúp tăng khả năng bảo vệ, chống lại nhiều loại dung môi, dầu mỡ, các hóa chất khác.

- Chiều dài: 300mm ± 5mm

- Độ dày: 1,15mm ± 0,2mm

- Tiêu chuẩn: EN ISO 374-1:2016/- Type A, EN ISO 374-5:2016, EN 388:2016 4121X



Honeywell Silver Shield SSG

- Găng tay chống hóa chất Silvershield có khả năng chống lại hơn 280 loại hóa chất khác nhau bao gồm alcohols, aliphatics, aromatic, chlorines, xeton và este

- Chiều dài 40cm, độ dày 2,7 mil

- Tiêu chuẩn: ANSI / ISEA 105 - ASTM D3389-05, ANSI / ISEA 105 - ASTM F1790-97



GĂNG TAY CHỊU NHIỆT



Ansell ActivArm® 43-113

- Găng tay cao cấp chống cháy và chịu nhiệt lên tới 350°C / 660°F. Khả năng bảo vệ toàn diện cho bàn tay và cổ tay
- Khả năng chống cắt vượt trội, tấm lót trong cotton thấm hút tốt và thoải mái
- Tiêu chuẩn: EN 388 (154XE), EN ISO 21420:2020



Lakeland 344-02A

- Sản phẩm có khả năng bảo vệ người dùng chịu được nhiệt độ lên đến 1600°C
- Mặt ngoài được làm từ sợi nhôm thủy tinh, mặt trong được làm từ vải Kevlar. Đây là loại chất liệu có thể chịu được nhiệt rất tốt
- Tiêu chuẩn: EN 420:2003 + A1:2009; Loại II



Honeywell Cryogenic

- Găng tay chống lạnh chịu được nhiệt độ khí gas lỏng lên đến -170 độ C
- Không thấm nước, được phủ 2 lớp nhôm và lỏng cừu. Lớp vải chắc chắn dày 200mm giữa ngón cái và các ngón khác. Đai tăng đưa ngay cổ tay
- Tiêu chuẩn: EN 420, EN 388 3222, EN 511 222



Showa 460

- Sản phẩm chịu được nhiệt độ ở môi trường thấp: -4 ° F / -20 ° C
- Sản phẩm cung cấp khả năng bảo vệ cổ tay vượt trội khỏi các chất độc hại và giảm khả năng tiếp xúc với vi khuẩn, vi rút và nấm
- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 (3221X), EN ISO 374-1: 2016 / Loại C, ISO 374-5: 2016

GĂNG TAY DA HÀN



Ansell 43-216

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn bảo vệ Loại A EN12477 dành cho các thao tác hàn và nhiệt phức tạp
- Chất liệu được làm bằng da bò, có miếng lót cotton
- Tiêu chuẩn: EN 12477:2001 + A1:2005, EN 388: 2016 (3243B), EN 407: 413X4X



Ansell 48-216

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn bảo vệ EN12477 Loại-A cho các công việc hàn và liên quan đến nhiệt
- Lớp lót cotton thoải mái giúp cách nhiệt. Ống tay dài giúp bảo vệ cánh tay tốt hơn
- Tiêu chuẩn: EN 12477:2001 + A1:2005, EN 388:2016 (4133B)



Ansell 43-217

- Ansell 43-217 là găng tay hàn TIG có khả năng bảo vệ Loại B tiêu chuẩn EN12477 đối với các thao tác về nhiệt và hàn
- Lớp lót cotton thoải mái giúp cách nhiệt. Ống tay dài giúp bảo vệ cánh tay tốt hơn
- Tiêu chuẩn: EN 12477:2001 + A1:2005, EN 388:2016 (4133B)

GĂNG TAY CÁCH ĐIỆN



GĂNG TAY CÁCH ĐIỆN HONEYWELL CẤP 2

- Chiều dài: 360mm/Độ dày: 2.3mm
- Khả năng cách điện: 17KV
- Chất liệu: Cao su tự nhiên
- Màu sắc: Màu trắng sữa
- Tiêu chuẩn: EN 60903:2003 và CEI 903 :2002



GĂNG TAY CÁCH ĐIỆN REGELTEX CẤP 3

- Chiều dài: 360mm/Độ dày: 2.9mm
- Khả năng cách điện: 26.5KV
- Chất liệu: Cao su tổng hợp
- Tiêu chuẩn: EN 60903:2003
- Ứng dụng: Acid, dầu, ozone và môi trường có nhiệt độ thấp



GĂNG TAY CÁCH ĐIỆN REGELTEX CẤP 4

- Chiều dài: 410mm/Độ dày: 3.6mm
- Khả năng cách điện: 36KV
- Chất liệu: Hỗn hợp Polyme dày giúp bảo vệ tốt hơn, chống các rủi ro cơ khí
- Tiêu chuẩn: EN 60903:2003
- Ứng dụng: Acid, dầu, ozone và môi trường có nhiệt độ thấp

GĂNG TAY ĐA DỤNG



Ansell 48-100

- Lớp phủ: Polyurethane (PU)
- Sản phẩm có màu trắng, được thiết kế với khả năng thao tác nhẹ thoải mái, linh hoạt
- Thích hợp để sử dụng làm việc trong môi trường khô hoặc dầu nhẹ cùng với những công việc cần đến độ chính xác cao
- Chiều dài: 210 - 265mm
- Tiêu chuẩn: EN388:2016 (4131A), ISO 21420: 2020



Ansell 48-126

- Lớp phủ: Polyurethane (PU)
- Găng tay được thiết kế với khả năng chống mài mòn cấp độ 4, giúp cho người sử dụng có thể xử lý công việc trong các môi trường khác nhau
- Sản phẩm mang lại sự linh hoạt và uyển chuyển cho người sử dụng khi làm việc. Lợi thế hơn so với các loại găng tay vải cotton thông thường
- Tiêu chuẩn: EN420: 2003 + A1: 2009, EN 388: 4121A



Ansell 97-210

- Sản phẩm chống va đập được thiết kế đạt tiêu chuẩn chuyên dùng cho ngành dầu khí, hỗ trợ xử lý cầm nắm vật thể ướt hoặc dầu nhờn bám trên bề mặt
- Độ dài: 264-310 mm
- Tiêu chuẩn: EN 388 (2222BP), ANSI level II



Showa B0500

- Lớp phủ: Polyurethane (PU)
- Găng tay có trọng lượng nhẹ, đàn hồi, chịu được biến dạng và giữ được hình dạng lâu hơn
- Lớp phủ có khả năng thấm thấu và mặt sau thoáng khí giúp giảm mồ hôi và lớp lót liền mạch ngăn ngừa kích ứng
- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 (3131X)



Ansell 48-125

- Lớp phủ: Polyurethane (PU)
- Đạt chuẩn EN cấp độ 4, chống mài mòn và chống rách tốt, độ bám tốt, năng suất được cải thiện
- Kết cấu liền mạch của sản phẩm giúp cho người sử dụng cảm nhận được sự thoải mái, thuận tiện khi làm việc và an toàn khi sử dụng găng tay
- Chiều dài: 215-270mm
- Tiêu chuẩn: EN 388: 2016 (4121A), EN ISO 21420:2020



Ansell 48-140

- Găng tay được làm bằng lớp lót sợi carbon & polyester
- Lớp phủ lòng bàn tay bằng Polyurethane (PU)
- Sản phẩm có khả năng chống tĩnh điện, giúp người sử dụng làm việc được trong các môi trường tĩnh điện
- Tiêu chuẩn: EN 388:2016 (3121A), EN ISO 21420:2020, EN16350



Ansell 48-919

- Giải pháp hiệu quả về chi phí cho các ứng dụng yêu cầu lớp phủ bền và độ bám an toàn trong môi trường dầu nhờn
- Găng tay được phủ lớp NBR giúp bảo vệ chống tiếp xúc với chất lỏng công nghiệp
- Chiều dài: 220-280 mm
- Tiêu chuẩn: EN ISO 21420: 2020, EN 388:4121A



Showa B0610

- Lớp lót nylon liền mạch, không phủ giúp giảm nguy cơ kích ứng và dị ứng trong khi vẫn duy trì sự khéo léo và nhạy bén.
- Găng tay có trọng lượng nhẹ, đàn hồi, chịu được biến dạng và giữ được hình dạng lâu hơn
- Dẻo dai, nhẹ, không lưu dầu vẩn tay lại trên các sản phẩm

GĂNG TAY DÙNG MỘT LẦN



ANSELL 92-670

- Chất liệu: Nitrile mềm, bền, tăng thêm sự thoải mái, khả năng bảo vệ chống hóa chất. Các ngón tay có họa tiết mang lại cảm giác cầm nắm tốt. Được ứng dụng trong phòng thí nghiệm và chế biến thực phẩm
- Tiêu chuẩn: ASTM D6319, FDA21 CFR 177-2600, EN 420:2003 + A1:2009



ANSELL 82-134

- Găng tay chống hóa chất không bột, hạn chế gây kích ứng da, thân thiện với môi trường. Sản phẩm được sản xuất bằng chất liệu Nitrile có thể phân hủy sinh học
- Tiêu chuẩn: ASTM D6319, FDA21 CFR 177-2600, ISO 21420: 2020



SUPER FINGER

- Chất liệu:
 - Latex: (Có bột hoặc không bột)
 - Nitrile: (Không bột)
- Kích thước: 245 x 76mm
- Khả năng chịu được ngoại lực, hóa chất tốt, đặc biệt là chống đâm thủng
- Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016



ANSELL 82 - 135

- Sản phẩm được làm từ chất liệu Nitrile, thiết kế đặc biệt cho thời gian sử dụng được lâu hơn
- Đạt tiêu chuẩn FDA trong quá trình chế biến thực phẩm
- Tiêu chuẩn: ASTM D6319, FDA21 CFR 177-2600, EC 2002/72; EC 2023/2006, ISO 21420: 2020



JOGGER BESTBOY
 - Chất liệu da thoáng khí, chống nước
 - Đế: PU/PU, Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Cambrella
 - Đế trong: Premoulded
 - Tiêu chuẩn: EN 345 S3



JOGGER CLIMBER
 - Chất liệu da thoáng khí
 - Đế: PU/PU, Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Cambrella
 - Đế trong: Premoulded
 - Tiêu chuẩn: EN 345 S3



JOGGER X1100N
 - Chất liệu da thoáng khí, chống nước
 - Đế: PU/PU, Mũi giày thép
 - Lớp giữa đế: Thép
 - Lớp lót: Cambrella
 - Đế trong: Premoulded
 - Tiêu chuẩn: EN 345 S3



JOGGER BESTRUN
 - Da ngoài: Chống nước, thoáng khí
 - Đế: PU 2 lớp
 - Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Premoulded
 - EN 345-S3



JOGGER JUMBER
 - Da ngoài: thoáng khí
 - Đế: PU 2 lớp
 - Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Cambrella
 - EN 345-S3



JOGGER X2000
 - Chất liệu: da lộn, chống nước
 - Đế: PU/PU
 - Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Lưới nylon
 - Đế trong: Premoulded
 - EN 20345:2011



CHEETAH 7106 H
 - Giày cao cổ ôm sát chân
 - Lưới chống nước và chống cắt
 - Thiết kế kín bảo vệ khỏi các mảnh vỡ
 - Đế ngoài 2 lớp PU



CHEETAH 2002H
 - Giày thấp cổ, có đệm cổ giày và đệm lưới giày
 - Chất liệu da bò dập nổi mềm mại
 - Giảm thiểu sự tích tụ tĩnh điện
 - Mũi giày: vải thể thao cao cấp
 - Đế ngoài: Cao su Nitrile (NBR), chịu nhiệt, chống mài mòn, chống hóa chất, chống tĩnh điện
 - Đế trong: Thép, chịu lực 200J



CHEETAH 7001H
 - Giày thấp cổ, nhẹ và linh hoạt
 - Lưới giày có tính năng co giãn
 - Đế ngoài có khe hở sâu giúp cải thiện khả năng kiểm soát lực kéo
 - Đế ngoài và đế giữa: PU
 - Giảm thiểu sự tích tụ tĩnh điện



SIMON TS3000R Series (Thấp cổ) TS3011R/ TS3011RX
 - Tiêu chuẩn: TIS 523-2528
 - Mũi thép rộng, chịu lực 200J
 - Da bò dập nổi mềm mại
 - Đế ngoài: NBR Rubber, lớp giữa thép (TS3011RX)
 - Đế trong: EVA



JOGGER CERES (Nữ)
 - Chất liệu da, chống nước, lớp lót lưới
 - Chống tĩnh điện, chống sốc, chống trơn trượt, chống đâm thủng
 - Tiêu chuẩn: S3 SRC
 - Ứng dụng: nhà máy
 - Trọng lượng: 400g



JOGGER SAHARA
 - Chất liệu: da
 - Đế: PU
 - Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Lưới nylon
 - Đế trong: Latex
 - EN 20345 S3



JOGGER POSEIDON
 - Chống nước
 - Đế: PVC
 - Mũi giày thép hoặc Composite
 - Tiêu chuẩn: EN 345 S3



JOGGER HERCULES
 - Chống nước
 - Đế: PVC
 - Mũi giày thép
 - Tiêu chuẩn: EN 345 S5



CHEETAH 2286 H
 - Giày cao cổ 8 inch
 - Cổ giày có đệm tạo sự thoải mái
 - Đế ngoài NBR bền



Honeywell KWS800 (Không lớp lót thép giữa đế, KWS800X)
 - Giày da màu đen
 - Đế ngoài PU đơn
 - Đế trong EVA



KPR L-026
 - Mũi giày Composite
 - Đế ngoài 2 lớp Poly
 - Chất liệu da trâu sần
 - Đế giày: Đệm EVA dày, êm chân, thoải mái và khô thoáng



Honeywell KR7000 (Không lớp lót thép giữa đế, KR7000X)
 - Giày da đen, có dây buộc
 - Đế trong EVA
 - Đế ngoài PU đơn
 - Đế sợi không dệt



REDWING 2214
 - Chất liệu da sần, chống nước
 - Mũi giày thép
 - Đế trong: Poron®
 - Đế ngoài: Vibram® Laramie TC-4/344
 - Chống hóa chất
 - Tiêu chuẩn: ASTM F 2413-05, M I/75 C/75



REDWING 8241
 - Chất liệu da sần, chống nước
 - Mũi giày thép
 - Đế trong: Texon®
 - Đế ngoài: Mini Lug Super-Sole®
 - Chống hóa chất
 - Tiêu chuẩn: ASTM F 2413-05, M I/75 C/75 PR



CHEETAH 7001P
 - Giày thấp cổ, da thật
 - Thiết kế đế ngoài có khả năng chống mài mòn
 - Lưới giày có tính năng co giãn, chống tĩnh điện
 - Đế ngoài có khe hở sâu giúp cải thiện khả năng kiểm soát lực kéo
 - Đế ngoài và đế giữa: PU



JOGGER X0500
 - Chất liệu da thoáng khí, chống nước
 - Đế: PU/PU
 - Mũi thép
 - Lớp giữa đế: thép
 - Lớp lót: Cambrella
 - Đế trong: Premoulded
 - EN 20345 S2



JOGGER GUSTO
 - Chất liệu da, chống nước, lớp lót lưới
 - Chống tĩnh điện, chống sốc, chống trơn trượt, mũi thép
 - Tiêu chuẩn: S2 SRC, đế PU/PU
 - Ứng dụng: dịch vụ ăn uống, y tế
 - Trọng lượng: 500g



OXYPAS OXYSAFE
 - Chất liệu: EVA (Ethylene vinyl acetate), chống nước, kháng khuẩn, kháng nấm và trọng lượng nhẹ
 - Có thể rửa ở 30°C, có thể khử trùng bằng hóa chất và tia UV
 - Đế ngoài: Chống tĩnh điện ESD và SRC chống trượt, đế giữa: chống sốc
 - Tiêu chuẩn: CE EN 20346
 - Ứng dụng: Công nghiệp thực phẩm, khách sạn và phục vụ ăn uống, nhân viên bếp, kỹ thuật viên

QUẦN ÁO BẢO HỘ

Tiêu chuẩn EN - Yêu cầu 6 yếu tố bảo vệ

Quần áo bảo vệ được thiết kế để bảo vệ người mang trước các yếu tố nguy hại xâm nhập vào cơ thể thông qua đường da như: Bụi, chất lỏng văng bắn, hơi hóa chất, nguy cơ sinh học. Trong trường hợp quần áo được thiết kế để bảo vệ chống lại hóa chất, 6 "cấp độ" bảo vệ đã được xác định với các tiêu chuẩn được viết cho từng loại như sau.

Ký hiệu EN	EN TYPE	Mô tả
	(Type 1) EN943-1, EN943-2	Quần áo bảo vệ khỏi hóa chất dạng lỏng, khí, sol khí và chất rắn
	(Type 2) EN943-1	Quần áo bảo hộ chống rò rỉ khí gas, chất lỏng, bụi nồng độ cao
	(Type 3) EN14605	Quần áo bảo hộ có khả năng chống hóa chất, khí độc, ăn mòn và các chất lỏng dạng tia
	(Type 4) EN14605	Khả năng chống lại sự bão hòa của hóa chất lỏng dạng phun sương
	(Type 5) EN ISO 13982-1 (&2)	Bảo vệ cơ thể chống lại các loại hạt rắn trong không khí
	(Type 6) EN13034	Bảo vệ khỏi hóa chất lỏng văng bắn



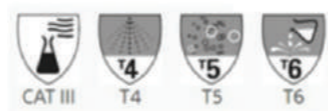
Dupont Tyvek® 400

- Chống tất cả các loại bụi và hóa chất lỏng dạng nhẹ
- Chống thấm và chống bám dính
- Siêu bền, dai, nhẹ, chịu được mài mòn, va chạm
- Thiết kế vừa vặn thoải mái
- Ứng dụng: Xử lý chì và amiăng, bảo trì/vận hành chung, phun sơn, tổng vệ sinh



Dupont Tyvek® 600

- Quần áo chống hóa chất DuPont Tyvek 600 Plus mang lại sự cân bằng lý tưởng về sự bảo vệ, độ bền và sự thoải mái.
- Bên ngoài được phủ thêm lớp màng Polymer tạo thêm độ bền
- Thiết kế ôm sát với các đường viền giúp gia cố thêm những vị trí dễ thấm hóa chất hoặc rách khi hoạt động mạnh



QUẦN ÁO BẢO HỘ



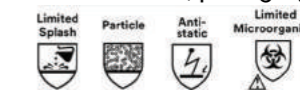
Lakeland AMN428

Chất Liệu: Có 2 lớp
- Lớp ngoài: Polyethylene
- Lớp trong: Polypropylene
Tiêu Chuẩn: EN ISO 13982 1&2 Type 5, EN13034 Type 6, EN149-5, EN1073-2, ASTM F1671-97A
Bảo vệ trước các mối nguy hiểm: Có khả năng chống các tác nhân sinh học xâm nhập, chất lỏng hoặc hóa chất nhẹ (H2SO4 30%, NaOH 10%) văng bắn nhẹ và môi trường bụi khô, chống tĩnh điện, bụi bắn phóng xạ. Thiết kế 2 lớp linh hoạt có khả năng chống thấm và bụi cao nhưng có tỉ lệ cho hơi ẩm và khí thoát ra cao giúp người sử dụng không bị nóng và ẩm.



3M 4510

Chất liệu vải: Polypropylene/ Polypropylene Laminate
Đường may: Đường chỉ may Polyester
Cổ tay áo: Cao su Neoprene đàn hồi
Dây kéo: Khóa kéo 2 chiều
Mũ trùm đầu: Mũ trùm hai lớp
Bảo vệ trước các mối nguy hiểm: Quần áo chống hóa chất 3M 4510 bảo vệ người lao động trong những môi trường nhiều bụi, chống văng bắn chất lỏng, một số hóa chất, chống bụi nguy hại...
Ứng dụng được đề xuất: Loại bỏ & xử lý ô nhiễm, kiểm tra amiăng, cách điện, vệ sinh & bảo trì, phòng sạch



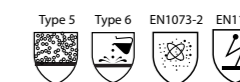
Lakeland EMN428

Chất Liệu: Màng Microporous không dệt, thoáng khí
Tiêu Chuẩn: Type 5, Type 6, EN1073-2, EN1149, EN14126 học xâm nhập.
Ứng Dụng: Bảo vệ khỏi chất lỏng văng bắn và môi trường bụi khô, môi trường phun sơn, phòng sạch, công việc bảo trì và vệ sinh chung, ngăn chặn các hạt khoáng chất, quá trình chế biến thực phẩm, sản xuất dược phẩm, lắp ráp điện tử



Ansell Microgard 2000 - 129

Chất Liệu: Laminate
Tiêu Chuẩn: Tiêu Chuẩn CE Hạng III (Loại 5-B, Loại 6-B, EN 1073-2, EN 14126, DIN 32781, EN 1149-5), Tiêu chuẩn EN ISO 13688:2013
Bảo vệ trước các mối nguy hiểm: Khả năng phòng chống các hạt bụi và chất lỏng nhẹ, chống lại sự xâm nhập của các mầm bệnh qua đường máu, chống tĩnh điện
Ứng Dụng: Làm sạch và chuẩn bị phòng sạch, hỗ trợ & bảo trì dây chuyền sản xuất, bảo trì nhà máy và máy móc, dịch vụ thú y



QUẦN ÁO CHỐNG HÓA CHẤT

DuPont™ Tychem® C



- Quần áo chống hóa chất Dupont Tychem C được sử dụng để phòng chống hóa chất trong các ngành nghiên cứu hóa học, công nghiệp hoặc chế biến thực phẩm
- **Chất liệu:** Sợi Tyvek và phủ thêm lớp màng Polymer đặc biệt
- **Màu sắc:** Màu vàng với logo DuPont trên ngực
- Không thấm và chống bám dính
- Siêu bền, dai, chịu được mài mòn, va chạm
- Rất nhẹ, mát với tính năng thấm thấu ngược, đem lại cảm giác thoải mái

DuPont™ Tychem® F



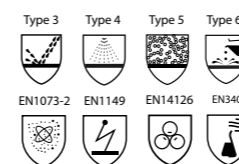
- **Chất liệu:** Gồm 4 Lớp: Tyvek, lớp phủ Polymer, màng Film và lớp Polymer
- **Màu sắc:** Màu xám với logo DuPont trên ngực
- Ngăn chặn 100% các hạt, axit vô cơ đậm đặc và nhiều các loại hóa chất hữu cơ khác
- Nhẹ, mềm, vừa vặn, thoải mái và dễ di chuyển
- **Ứng dụng:** Sản xuất giấy, chế biến thực phẩm, xử lý hóa chất, chế tạo dược phẩm, chống tất cả các loại bụi và hóa chất lỏng như axit HCL đặc, kiềm NaOH đặc...

Loại hóa chất	Trạng thái vật lý	Số CAS	DuPont™ Tychem® C		DuPont™ Tychem® F	
			EN ISO 6529 Thời gian sử dụng (phút)	EN Class	EN ISO 6529 Thời gian sử dụng (phút)	EN Class
Hóa chất hữu cơ						
Toluene	L	108-88-3	KHÔNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO CHO HÓA CHẤT HỮU CƠ		>480	6 of 6
Hexane	L	110-54-3		>480	6 of 6	
Methanol	L	67-56-1		>480	6 of 6	
Methyl vinyl ketone	L	78-94-4		>480	6 of 6	
Methyl isocyanate	L	624-83-9		>480	6 of 6	
Chlorobenzene	L	108-90-7		>480	6 of 6	
PCB in transformer oil	L	11097-69-1		>480	6 of 6	
Acetonitrile	L	75-05-8		>480	6 of 6	
Hóa chất vô cơ						
Hydrochloric acid (37%)	L	7647-01-0	235	4 of 6	>480	6 of 6
Hydrofluoric acid (48%)	L	7664-39-3	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Nitric acid (70%)	L	7697-37-2	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Sulphuric acid (98%)	L	7664-93-9	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Sodium hydroxide (42%)	L	1310-73-2	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Sulphuric acid, Chromium salt (80%)	L	65272-70-0	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Sodium hypochlorite (13% chlorine)	L	7681-52-9	>480	6 of 6	>480	6 of 6
Potassium chromate (saturated salt solution)	L	7789-00-6	>480	6 of 6	>480	6 of 6

Ghi chú: L=liquid (Chất lỏng)

QUẦN ÁO CHỐNG HÓA CHẤT

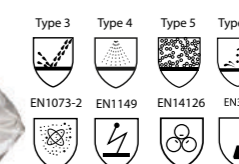
ChemMAX 1 (Giới hạn số lần sử dụng)



TÍNH NĂNG, ĐẶC ĐIỂM

- Lớp phủ polyethylene mật độ cao được phủ lên lớp nền polypropylene - vải tổng hợp
- Được chế tạo với các đường may khâu và dán băng để bảo vệ, chống hóa chất xâm nhập
- Thiết kế 2 lớp dây kéo zip giúp mặc vào và cởi ra nhanh chóng
- Trọng lượng nhẹ, cách may đặc biệt giúp người sử dụng dễ dàng hoạt động, di chuyển
- Đệm đầu gối được gia cố để tạo sự thoải mái và độ bền
- Màu vàng tươi dễ nhận biết

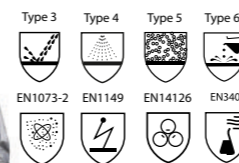
ChemMAX 2



TÍNH NĂNG, ĐẶC ĐIỂM

- Màng chắn Saranex 23P được liên kết với chất nền không dệt vải tổng hợp hai thành phần, giúp bảo vệ trong quá trình trộn và xử lý hóa chất, làm sạch môi trường xử lý và ứng phó vật liệu nguy hiểm, sản xuất dược phẩm, công nghiệp nói chung
- Thiết kế 2 lớp dây kéo zip giúp mặc vào và cởi ra nhanh chóng
- Chất liệu nhẹ và linh hoạt để tạo sự thoải mái và bảo vệ tối ưu
- Đệm đầu gối được gia cố tạo sự thoải mái và bền bỉ
- Màng chắn Saranex cung cấp sự bảo vệ tuyệt vời với sức mạnh và tính linh hoạt cho độ bền và sự thoải mái

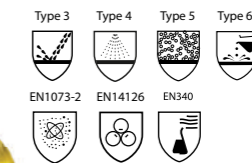
ChemMAX 3



TÍNH NĂNG, ĐẶC ĐIỂM

- Màng chắn EVOH giúp chống lại một loạt các hóa chất công nghiệp độc hại, hóa chất lưỡng dụng, tác nhân chiến tranh hóa học và các chất gây ô nhiễm có hại khác
- Được chế tạo với các đường may và băng keo để bảo vệ và chịu lực vượt trội.
- Thiết kế 2 lớp dây kéo zip giúp mặc vào và cởi ra nhanh chóng
- Đệm đầu gối được gia cố tạo sự thoải mái và bền bỉ
- Màu xám để dễ nhận biết

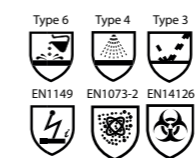
ChemMAX 4



TÍNH NĂNG, ĐẶC ĐIỂM

- Màng chắn polyethylene mật độ cao được dát mỏng thành lớp nền polypropylene - vải tổng hợp
- Chất liệu nhẹ và linh hoạt để tạo sự thoải mái và bảo vệ tối ưu
- Đệm đầu gối được gia cố tạo sự thoải mái và bền bỉ
- Màu vàng tươi dễ nhận biết
- Được chế tạo với các đường may và băng keo để bảo vệ và chịu lực vượt trội
- Chống tĩnh điện: Đáp ứng các yêu cầu của EN1149
- Thiết kế 2 lớp dây kéo zip giúp mặc vào và cởi ra nhanh chóng
- Đáp ứng các yêu cầu của ASTM F1001

3M 4570



TÍNH NĂNG, ĐẶC ĐIỂM

- Chất liệu vải: Được làm từ vật liệu Laminate PE nhiều lớp
- Đường may: Đường may Ziczac và được dán lớp băng keo
- Cổ tay áo: Cổ tay có thể co giãn được
- Dây kéo: Khóa kéo 2 chiều
- Mũ trùm đầu: Mũ trùm ba lớp
- Quần áo chống hóa chất 3M 4570 bảo vệ người lao động khỏi một số hóa chất văng bắn (Cấp độ bảo vệ loại 6), Bảo vệ chống chất lỏng văng bắn dạng phun sương hoặc tia (Cấp độ bảo vệ loại 3, 4, 5 & 6), Chống tĩnh điện
- Ứng dụng được đề xuất: Trộn & xử lý hóa chất, đổ & dọn đầu hóa chất, sự cố tràn hóa chất, khử nhiễm, làm sạch bể chứa, khử nhiễm / hủy bỏ công trường, xử lý bột độc, xử lý chất thải nguy hại, tác nhân gây nhiễm / mối nguy sinh học, khắc kim loại, lọc kim loại, phun thuốc trừ sâu, làm sạch bể chứa



QUẦN ÁO CHỐNG KHÍ GAS - HƠI ĐỘC

Lakeland Interceptor



- Ứng dụng: Bảo vệ trước các loại khí, hơi, sol khí, chất lỏng, chất gây ô nhiễm có hại
- Được làm từ loại vải không dệt có độ bền cao với các màng không chứa halogen ở hai bên
- Chất liệu: Proprietary film; Needle punch PET; EVOH
- Phòng thí nghiệm đã thử nghiệm chống lại hơn 100 loại hóa chất. Hơn 90% không có hiện tượng thấm sau tám giờ tiếp xúc liên tục.
- Tấm che mặt được dính kín vào bộ đồ để chất lỏng không thể xâm nhập vào cạnh tấm che
- Lớp ngoài phủ PTFE trên tấm che mặt ngăn ngừa sự suy giảm thị lực do tiếp xúc với hóa chất
- Găng tay bằng Butyl và North Silver tạo nên một lớp bảo vệ chắc chắn
- Đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1991 và các yêu cầu của CE Type 1



Ansell Trelchem EVO

- Ứng dụng: Xử lý hóa chất, dịch vụ y tế khẩn cấp, dịch vụ cứu hỏa & cứu hộ, vệ sinh bể chứa và công nghiệp, xử lý các sự cố về hóa dầu
- Đường may: Được khâu và phủ bằng đai cao su Viton® ở bên ngoài và băng dính màng chắn PE ở bên trong
- Chất liệu: Barrier - Chloroprene rubber - Aramid fabric - Butyl rubber - Viton rubber
- Tấm che có tầm nhìn rộng với thiết kế 3D - 20 cm, cho tầm nhìn xa hơn
- Hệ thống vòng bít găng tay Bayonet để thay găng tay nhanh chóng và đơn giản
- Thiết kế không đóng kín với vòng đệm mặt và không có gờ (kiểu chữ T), thiết bị thở đeo bên ngoài bộ quần áo bảo hộ
- Tiêu chuẩn: NFPA 1991:2016, EN 942-1:2015, EN 943-1/FprA1:2018, EN 943-2:2002, FprEN 943-2:2018, EN 1073-2:2002, EN 14126:2003, EN 1149-5:2008, ATEX zones 0, 1, 2 /20, 21, 22, nhóm hóa chất IIA, IIB, IIC



Dupont Tychem TK

- Ứng dụng: Bảo vệ chống lại khí độc, ăn mòn, chất lỏng và hóa chất rắn
- Khả năng chống lại tất cả các loại khí, hơi độc và hơn 260 hóa chất ở dạng rắn và lỏng khác nhau
- Chất liệu: Vải Double TK
- Khóa kéo nén khí chịu tải nặng, chống hóa chất chất lỏng bắn vào
- Các nắp khóa kéo chồng lên nhau có móc và đóng vòng
- Thời hạn sử dụng 5 năm khi được bảo quản đúng cách. Có thể được gia hạn lên đến 10 năm
- Tiêu chuẩn: Theo tiêu chuẩn EN 943-2, Category III, Type 1a-ET



Draeger CPS 5900

- Ứng dụng: Bảo vệ chống lại khí độc hại, chất lỏng và các phần tử độc hại
- Chất liệu: Được làm từ Zytron® 500, mỗi đường nối được khâu và dán nhiệt bằng khí nóng cả bên trong và bên ngoài
- Găng tay cố định kết hợp lớp ngoài Butyl với lớp lót bên trong bằng Laminate để tăng khả năng bảo vệ khỏi hóa chất và vết thủng
- Bao tay Kevlar bảo vệ trước các vết cắt
- Đồ bảo hộ Draeger CPS 5900 đã cải thiện được tính tiện dụng và tối ưu hóa khả năng tương thích với nhiều loại thiết bị bảo hộ cá nhân như thiết bị thở, mũ bảo hiểm và các thiết bị khác
- Tiêu chuẩn: NFPA 1994, class2 và EN 943 part 1&2 (ET), SOLAS

ÁO LÀM MÁT



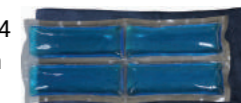
- Lakeland Cool Vest được làm từ chất liệu Polyme cao cấp, kết hợp với chất giữ nhiệt đặc biệt được sử dụng bên trong bộ quần áo, giúp làm mát cơ thể cho người lao động. Sau khi làm lạnh, các miếng lót sẽ cung cấp nhiệt độ mát liên tục từ 2 - 4 giờ



- Có trọng lượng nhẹ, tạo sự thoải mái, những chiếc áo làm mát này có thể giặt được. Hông và vai có thể điều chỉnh được kích thước, mang lại cảm giác vừa vặn hơn. Để phù hợp với nhiều đối tượng sử dụng, áo làm mát có nhiều kiểu dáng, kích cỡ và chất liệu vải, bao gồm vải polycotton và vải Nomex



Thời gian làm mát từ 2 - 4 giờ với 30 phút được làm mát trong tủ lạnh



Thời gian làm mát 2 giờ với 120 phút được làm mát trong tủ lạnh

QUẦN ÁO BẢO HỘ PHUN BI BẮN CÁT - BULLARD



HDS/DGL/HDSKHL: Bộ đồ bảo hộ phun bi bắn cát xám / kaki. Kích thước: M, L, 2X, 3X, 4X

BGL0801M: Găng tay bảo hộ, cổ tay 8 inch, chỉ Kevlar, lòng bàn tay bằng da bò cường lực, các ngón tay có thể uốn cong một cách dễ dàng. Kích thước: M, L, XL, 2X

KP085: Miếng đệm đầu gối được làm rộng và linh hoạt

GVX2830: Nón phun cát Genvx 28 inch được gắn liền với áo choàng, van điều chỉnh lưu lượng F30 1/4 inch

DC70ML: Air-Fed Cool Vest

DC5040: Ống làm mát kép cho dòng DC70. Kích thước: ML, XL, XXXL, 5X

AC100030: Ống mát, 1/4" Ind. Nút giao thoa QD

Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z89, High-Impact Z97+, NIOSH 42-CFR-84

Trọng lượng nhẹ: Lắp ráp nhẹ và gắn kết chắc chắn. Đèn LED trắng cường độ cao với thân nhựa ABS chịu lực cao



QUẦN ÁO CHỐNG CHÁY DUPONT NOMEX IIIA



Hỏa hoạn là không thể đoán trước - các tình huống có thể thay đổi ngay lập tức với nhiệt độ lên tới 1900 độ F, khiến người lao động dễ bị thương nặng. Vì vậy, đối với các mối nguy hiểm như cháy nổ, Dupont đã tạo ra Nomex IIIA. Là sự pha trộn giữa 93% Meta-Aramid với 5% Kevlar và 2% sợi chống tĩnh điện, loại vải cải tiến này giúp giảm thiểu sự cố mở và giãn nở để tạo thành một rào cản ổn định và chèn giữa lửa và da. Điều này mang lại cho người mặc những giây quý giá mà họ cần để thoát khỏi mối nguy hiểm.

- Được sử dụng rộng rãi bởi các ngành công nghiệp dầu khí, hóa dầu, hóa chất và tiện ích, cũng như lính cứu hỏa
- Chất liệu từ sợi chống cháy tự nhiên, không bị giảm hiệu quả sau nhiều chu kỳ giặt
- Bền và chống mài mòn, chống xé rách và chống hóa chất
- Đáp ứng tiêu chuẩn ASTM F1506 cho quần áo công nhân để bảo vệ khỏi tiếp xúc với hồ quang điện
- Tuân theo tiêu chuẩn NFPA 70E về An toàn điện tại nơi làm việc
- Tuân theo Tiêu chuẩn NFPA 2112 về quần áo chống cháy để bảo vệ cá nhân công nghiệp chống lại tia lửa hoặc bảo vệ khỏi các tia lửa



QUẦN ÁO CHỐNG CHÁY KLOPMAN



Một loại vải chống cháy bền, nhẹ và thoải mái với ưu điểm là khả năng thoáng khí và thấm hút vượt trội của 100% cotton. Jupiter FR đặc biệt thích hợp để sử dụng trong môi trường làm việc và khí hậu ẩm áp, bao gồm các ứng dụng mùa hè, nơi tiếp xúc với hồ quang điện

Thông tin chi tiết:
 Trọng lượng: 240g/m2
 Dệt: 2x1 đan chéo
 Chất liệu: 100% cotton
 Công dụng: Chống cháy, sử dụng trong công nghiệp
 Tiêu chuẩn: ISO 15025, ASTM D 6413, EN ISO 11612, EN 340 : 2004, EN ISO 11611, Box Arc Test 4kA, NFPA 2112, ATPV, UL Certificate

Màu sắc	Mã màu	Độ tối
Cam	201028	SPEC
Đen	912002	STD
Xanh navy	501018	NVY
Đỏ	301001	SPEC
Cam	201013	SPEC
Xanh dương	502001	STD



QUẦN ÁO PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY LAKELAND

ÁO CHỐNG CHÁY OSX A10

- Chiều dài: 35 inch
- Dây kéo / Khóa dán
- Phản quang NFPA Vàng chanh / Scotchlite 3M màu vàng
- Chất liệu phản quang để tăng cường khả năng hiển thị - Double Stitched
- DRD "Easy Grip" độc quyền (Thiết bị cứu hộ kéo)
- Cổ áo hình trụ 3 inch, có móc treo phía sau áo
- Tay áo có thiết kế đặc biệt cho cảm giác thoải mái khi thao tác và tăng khả năng bảo vệ cách tay
- Cổ tay Kevlar Thumbhole 7 Inch
- Bọ thun tay áo Stedpris màu đen 5 Inch
- Áo khoác có kính màu đen và quần áo tăng cường
- Túi mở rộng lớp 2 inch x 10 inch x 10 inch được lót bằng Kevlar Twill
- Được làm từ sợi Nomex và sợi Kevlar chống cắt, chống cháy giúp tăng độ bền



QUẦN CHỐNG CHÁY OSX A10

- Bộ khóa quần: Móc và khóa đóng, nút đóng kết hợp với khóa dán
- Quai đeo bên hông có Thanh trượt Delrin High Temp (HT) để dễ dàng điều chỉnh kích thước
- 2 bên túi có kích thước 10x10 inch. Phía trong có 5 túi nhỏ để đựng dụng cụ, phía ngoài là tấm chắn khí
- Phần ống quần được may thêm một lớp bảo vệ màu đen - Đường khâu đôi
- Chất liệu phản quang 3M Scotchlite xám/vàng để tăng cường khả năng hiển thị
- Miếng lót đầu gối được thiết kế để duy trì sự thoải mái khi thao tác những tư thế khó như: Quỳ, ngồi,... phần ống quần sẽ không bị căng ra
- Hệ thống treo điều chỉnh đa năng Black-Ops (Không có móc treo bằng kim loại)

ÁO CHỐNG CHÁY CEOSX1000 CE

- Cổ áo được thiết kế đặc biệt để dễ dàng kết hợp với các thiết bị mũ bảo hiểm, kính chắn gió và mặt nạ SCBA
- Ngực trái có túi đựng radio, có khóa dán phía trên, có thể treo huy hiệu lính cứu hỏa, đèn pin chụp và dây đeo bên phải
- Tay áo có thiết kế cong, đáp ứng mọi chuyển động của cánh tay
- Chi tiết may đệm (chèn hình thoi) dưới cánh tay cho phép nâng cao cánh tay với độ che phủ tối thiểu
- Thiết kế vòng bit dẹt kim đàn hồi chống cháy, ngăn các vật nhỏ ở nhiệt độ cao hoặc tro cháy vào vòng bit
- Cổ tay được đan bằng sợi Kevlar
- Túi áo (Có vòng đệm cách điện bằng cao su, thoát nước)
- Tay cầm DRD (thiết bị cứu hộ dạng kéo) có thể được sử dụng bằng một tay
- Sọc phản quang 3M 7,5 cm
- Lớp áo khoác lót bên trong



QUẦN CHỐNG CHÁY CEOSX1000 CE

- Vật liệu có ba lớp, lớp vỏ ngoài, lớp chống ẩm và lớp lót nhiệt
- Các đường may chính được khâu đôi với 8-10 mũi may khác
- Tuân theo tiêu chuẩn EN469-2005
- Dây đai chéo được may với chất liệu Nomex
- Túi quần hai bên, có thể để được dụng cụ cứu hộ
- Chi tiết may đệm (chèn hình thoi) có thể làm giảm áp lực lên đáy quần và tăng khả năng chống mài mòn
- 2 miếng lớp bảo vệ được may phía trước đầu gối. Tăng khả năng chống nước và chống mài mòn
- Sọc phản quang 3M 7,5 cm
- Phía sau có 8 điểm treo dây



MŨ BẢO HỘ LÍNH CỨU HỎA MAGMA CE



GĂNG TAY LÍNH CỨU HỎA 7993 CE



ỦNG CHỮA CHÁY 12171-2V (Y) CE

QUẦN ÁO PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HONEYWELL

MORNING PRIDE VE GEAR

VE GEAR là bộ quần áo chống cháy thương hiệu Honeywell thường được sử dụng trong các công việc phòng cháy chữa cháy, được chứng nhận theo tiêu chuẩn NFPA. Mức giá phù hợp với nhu cầu của các bộ phận có ngân sách hạn chế. Thiết kế có hai lớp khóa (khóa kéo và nẹp che dây kéo). Sản phẩm được trang bị đầy đủ các chức năng cần thiết để đảm bảo hoạt động trong việc phòng cháy chữa cháy.



- Tùy chọn áo phổ biến**
 - Tất cả đều có sẵn khóa dán
 - Chiều dài áo: 32 Inch - Nẹp che dây kéo
 - 34 " áo - Móc và khóa kéo bên ngoài vạt áo
- Hệ thống kéo khóa của quần**
 - Móc và khóa kéo bên ngoài nắp kết hợp với chốt
- Tùy chọn quần phổ biến**
 - Lựa chọn theo gói yêu cầu bắt buộc

MORNING PRIDE RANGER - STRUCTURAL TURNOUT GEAR

Quần áo chống cháy Ranger bền bỉ, chắc chắn. Được sản xuất độc quyền phù hợp với từng lính cứu hỏa. Khả năng bảo vệ tốt trong những môi trường khắc nghiệt. Cung cấp nhiều lựa chọn để có thể tùy chỉnh thiết kế, thiết bị phục vụ nhiều nhu cầu khác nhau. Quần áo chống cháy Ranger™ thoải mái và nhẹ, trở thành lựa chọn tối ưu cho các cơ quan phòng cháy chữa cháy có ít ngân sách nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng hoặc khả năng bảo vệ



- Thiết bị cứu hộ dạng kéo có khớp nối**
 - Thoải mái khi mặc hàng ngày, có thể xoay theo nhiều hướng khác nhau mà không gây khó chịu cho người mặc, các cạnh cuộn làm giảm mài mòn chống ẩm mốc (đã được cấp bằng sáng chế)
- Tăng cường khả năng cách nhiệt cho vai và khuỷu tay**
 - Tăng cường bảo vệ nhiệt trong các khu vực có nhiệt độ cao
- Tay áo Raglan với chất liệu Flex**
 - Độ thoải mái cao hơn, khả năng di chuyển cánh tay tốt hơn
- Được may 3 lớp vải**
 - 3 lớp hoạt động như một hệ thống để tối đa hóa chức năng tiện dụng của sản phẩm
- Cổ tay chống thấm nước**
 - Vòng tay Nomex hai lớp với màng chống ẩm. Cung cấp một lớp đệm lông ở cổ tay
- Vật áo phía sau được may dài hơn với thiết kế gợn sóng**
 - Tăng phạm vi chuyển động của chân, cải thiện hệ thống thông gió ở thân, tầm nhìn tốt hơn từ phía sau

QUẦN ÁO CHỊU NHIỆT - LAKELAND

Cảnh Báo ! Phân biệt giữa nhiệt độ môi trường, dẫn nhiệt và bức xạ nhiệt

Các thông số được sử dụng để tham khảo trong việc lựa chọn quần áo bảo vệ nhiệt thích hợp

- Nhiệt độ xung quanh:** Là nhiệt độ không khí của môi trường mà thiết bị đo được và được lưu trữ trong một tình huống nhất định: Ví dụ nhiệt độ 18°C - 20°C trong phòng làm việc, 1600°C trong lò nung
- Khả năng dẫn nhiệt:** Là nhiệt độ được tạo ra khi tiếp xúc trực tiếp với bề mặt nóng: Một bức tường có kích thước 27 X 115,51 X 62,39 mm khi tiếp xúc với nền nhiệt 1000°C thì sẽ bốc cháy
- Bức xạ nhiệt:** Là dạng trao đổi nhiệt không cần sự tiếp xúc trực tiếp giữa các vật tham gia trao đổi nhiệt. Trong những ngày nắng nóng, ánh sáng cùng nhiệt từ mặt trời chiếu vào các góc tường nhà. Qua đó làm tăng nhiệt độ trong phòng

EN 11612:2007

Khả năng bảo vệ	Phương pháp kiểm tra	Yêu cầu tiêu chuẩn	
		1 lớp	2 lớp
Hiệu suất chống cháy	ISO 15025-A ISO 15025-B	Giá trị trung bình của thời gian sau khi ngọn lửa tiếp xúc sau 2 giây. Không có mảnh vụn nóng chảy, không có lỗ và không có lửa ở đầu hoặc cạnh	
Hiệu suất chống lại kim loại nóng chảy	ISO 9150	≥15drops	≥25drops
Bức xạ nhiệt	ISO 6942 (20kW/m²)	RHT1 24 ≥ 7s	RHT1 24 ≥ 16s



EN 11612:2008

Khả năng bảo vệ	Phương pháp kiểm tra	300 suits	500 suits	700 Suits
Giới hạn khả năng cháy lan	ISO 15025-A	A1	A1	A1
	ISO 15025-B	A2	A2	A2
Nhiệt đối lưu (B)	ISO 9151	B1	B1	B3
Bức xạ nhiệt (C)	ISO 6942(20kW/m²)	C3	C2	C4
Nhôm nóng chảy (D)	ISO 9185	D1	D3	NA
Sắt nóng chảy (E)	ISO 9185	E1	E3	NA
Tiếp xúc nhiệt (F)	ISO 12127	F1	F1	F3



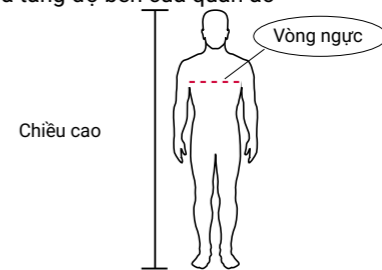
Cấu Tạo Lớp Vải

Series	Lớp ngoài	100% nhôm thủy tinh	900 Series	Lớp ngoài	100% nhôm thủy tinh
300 Series	Lớp lót	Không có		Lớp lót	1. Cách nhiệt bằng sợi thủy tinh
400 Series	Lớp ngoài	Kevlar Aluminized	Lớp lót	2. Giấy bạc AL	
	Lớp lót	Không có		3. Giấy bạc AL	
500 Series	Lớp ngoài	100% nhôm thủy tinh	Lớp lót	4. Cách nhiệt bằng sợi thủy tinh	
	Lớp lót	Nylon trắng Neoprene		5. Sợi thủy tinh trắng	
700 Series	Lớp ngoài	100% nhôm thủy tinh			
	Lớp lót	1. Giấy bạc AL 2. Cách nhiệt bằng sợi thủy tinh 3. Nylon trắng Neoprene			

Kích cỡ (Series 300, 400, 500, 700)

Vui lòng chọn đúng kích thước vòng ngực, eo, chiều cao của bạn. Việc lựa chọn đúng kích cỡ giúp việc bảo vệ cơ thể tốt hơn, tạo cảm giác thoải mái và tăng độ bền của quần áo

Kích thước	Chiều cao (Cm)
XS	165-169
S	170-174
M	175-179
L	180-184
XL	185-189
XXL	190-200



Kích cỡ (Series 900)

Mã sản phẩm	Chiều cao (Cm)	Cân nặng (Kg)
900/SS	165-175	63-75
900/R	176-185	76-95

Bộ quần áo Series 900 được thiết kế riêng để mặc với thiết bị thở khép kín (SCBA) để bảo vệ trong các môi trường thiếu khí

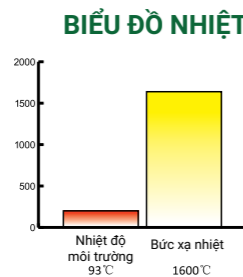


QUẦN ÁO CHỊU NHIỆT - LAKELAND

SERIES 300/305 APPROACH



EN11611:2007
Class1 A1A2
EN11612:2008
A1A2B1C3D1E1F1
Class2 A1A2

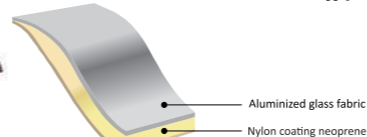


Quần áo chịu nhiệt Series 300/305 được làm bằng nhôm thủy tinh, 16oz / sq.yd phản xạ 95% nhiệt bức xạ với độ bền vượt trội. Quần áo chịu nhiệt 300/305 đáp ứng các yêu cầu của EN11611: 2008 và EN 11612: 2007. Quần áo chịu nhiệt 300/305 hoàn chỉnh với mũ trùm đầu có tấm che mặt phản chiếu bằng vàng, găng tay và ủng. Dòng 300/305 có sẵn các kiểu áo liền quần hoặc áo rời quần. Có hoặc không có SCBA.

SERIES 500/505 APPROACH

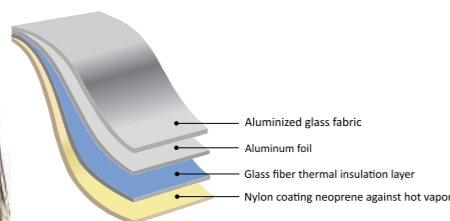


EN11611:2007
Class1 A1A2
EN11612:2008
A1A2B1C2D3E3F
Class2 A1A2



Quần áo chịu nhiệt dòng 500 và 505 được thiết kế cho nhân viên làm công việc bảo trì, sửa chữa và vận hành trong các khu vực có môi trường xung quanh thấp, nhiệt bức xạ cao. Quần áo có 2 lớp, lớp ngoài là nhôm thủy tinh, lớp trong là vải neoprene phủ nylon giúp giảm độ ẩm và sự tích tụ hơi nước. Do đó, quần áo chịu nhiệt series 500 có thể được sử dụng ở khu vực tiếp xúc với chất lỏng nóng, hơi nước hoặc hơi nóng.

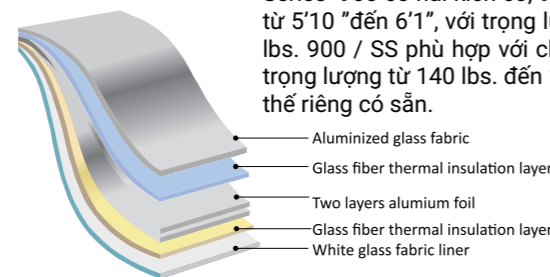
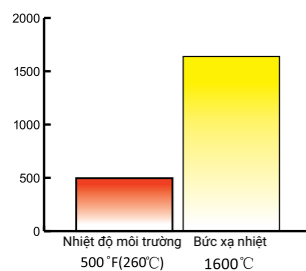
SERIER 700/705 QUẦN ÁO CHỊU NHIỆT



Tính Năng - Đặc Điểm

Fyrepel's 700 và 705 Series Proximity Suits được thiết kế để bảo trì và sửa chữa hiệu quả ở những khu vực có nhiệt độ cao. Công nhân mặc những bộ quần áo bảo hộ này được cách nhiệt bởi cấu tạo nhiều lớp độc đáo của Fyrepel, với lớp bên ngoài được làm bằng nhôm thủy tinh chống chịu được nhiệt độ cao. Lớp lót ngăn chặn độ ẩm/ hơi nước giúp bảo vệ khi cơ thể tiếp xúc với chất lỏng hoặc hơi nóng. Được thiết kế lại để vừa vặn hơn, Bộ quần áo Bộ quần áo dòng 700 và 705 có các loại áo liền quần, áo rời quần rời.

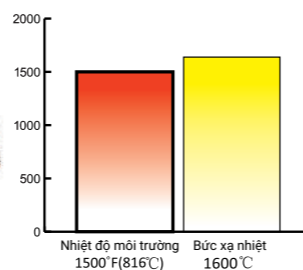
BIỂU ĐỒ NHIỆT



SERIES 900 KILN SUIT



BIỂU ĐỒ NHIỆT



Tính Năng - Đặc Điểm

Sản phẩm dành cho công nhân phải làm việc trong lò nung hoặc các tình huống nhiệt độ khắc nghiệt khác không liên quan đến ngọn lửa toàn phần, nhưng yêu cầu bảo vệ nhiệt chất lượng cao. Khả năng cách nhiệt của Fyrepel khiến những Bộ quần áo dòng 900 này trở thành lựa chọn hàng đầu cho những công việc khó khăn, chẳng hạn như sửa chữa lò ở nhiệt độ môi trường cao trong các ngành công nghiệp thép, thủy tinh và gốm sứ hoặc nơi hơi nước áp suất cao là mối đe dọa trong các nhà máy hóa dầu và hóa chất. Series 900 Kiln Entry Suit hoàn chỉnh với mũ trùm đầu, áo khoác, quần, găng tay và ủng. Bộ đồ đầu vào lò nung Series 900 có hai kích cỡ: 900 / R phù hợp với chiều cao từ 5'10" đến 6'1", với trọng lượng từ 170 lbs. lên đến 210 lbs. 900 / SS phù hợp với chiều cao từ 5'5" đến 5'9", với trọng lượng từ 140 lbs. đến 165 lbs. Các thành phần thay thế riêng có sẵn.

PHỤ KIỆN QUẦN ÁO CHỊU NHIỆT



323-42AG
Tạp dề chịu nhiệt



325-48AG
Tạp dề chịu nhiệt



310
Mũ trùm chịu nhiệt



320-50 AG
Áo chịu nhiệt



320-20 AG/BA
Áo chịu nhiệt có thể sử dụng kèm theo SCBA



330 AG
Quần chịu nhiệt



522 AG
Quần áo chịu nhiệt



336-18AG
Ống tay chịu nhiệt



355AG/ 555AG
Ủng chịu nhiệt



Chap 332



Spat 334



344-02A
Găng tay chịu nhiệt dòng 300



740
Găng tay chịu nhiệt dòng 700

QUẦN ÁO CHỐNG HỒ QUANG ĐIỆN

MỨC ĐỘ NGUY HIỂM 0	MỨC ĐỘ NGUY HIỂM 1	MỨC ĐỘ NGUY HIỂM 2	MỨC ĐỘ NGUY HIỂM 3	MỨC ĐỘ NGUY HIỂM 4
Mô tả Không sử dụng chất liệu nóng chảy, dễ cháy (bông, len, tơ nhân tạo, tơ tằm hoặc hỗn hợp các chất liệu này chưa qua xử lý). Có trọng lượng vài ít nhất 4,5oz	Mô tả Áo hoặc quần chống cháy	Mô tả Lớp lót Cotton, áo hoặc quần chống cháy	Mô tả Lớp lót Cotton, áo chống cháy, quần và lớp lót Cotton, 2 lớp yếm chịu nhiệt	Mô tả Lớp lót Cotton, áo và quần chống cháy, bộ đồ chống tia hồ quang
ATPV: 0 cal/cm ²	ATPV: 4-8 cal/cm ²	ATPV: 8-25 cal/cm ²	ATPV: 25-40 cal/cm ²	ATPV: >40 cal/cm ²

Cal/cm² Đơn vị nhiệt
 1 Cal/cm² số nhiệt lượng cần thiết để đun nóng 1 gam nước lên thêm 1 độ C
 1 Cal/cm² Tương đương với nhiệt lượng của diêm thuốc lá khi đốt trong một giây
 1-2 Cal/cm² có thể gây bỏng cấp độ 2

ATPV (ARC Thermal Performance Value) được gọi là "Giá trị hiệu suất nhiệt hồ quang". Được sử dụng để mô tả khả năng bảo vệ trước các tia hồ quang của vật liệu. Năng lượng ít hơn ATPV thường là trường hợp xảy ra sự cố hồ quang, vật liệu có thể bảo vệ và giảm sự tác động đến với cơ thể



Bộ Quần áo chống hồ quang Arc Flash - Honeywell Salisbury

Bộ quần áo chống hồ quang Arc Flash - Salisbury Pro-Wear giúp bảo vệ người dùng trước các tia hồ quang. Đạt tiêu chuẩn ATPV 8 cal / cm² hoặc 12cal / cm², AS1000HAT, AFHOOD, ASBAG, SKBAG và kính an toàn đạt tiêu chuẩn ATPV

● Kích thước: S, M, L, XL, 2XL, và 3XL ● Những bộ đồ bảo hộ này đáp ứng "Rủi ro Nguy hiểm NFPA 70E"

Lựa chọn: Thêm hậu tố "-BP" để thay thế Túi bảo quản lớn SKBAG bằng Túi đựng gia cố đặc biệt SKBACK-PACK. Thêm hậu tố "-1200" để thay thế AS1000HAT W / AS 1200HAT

Lưu ý: Khả năng bảo vệ trước tia hồ quang tối đa của một bộ dụng cụ được tính bằng với định mức cal/cm² thấp nhất của bất kỳ thành phần nào trong bộ an toàn đã chọn.



Bộ dụng cụ bảo vệ chống hồ quang cao cấp - Salisbury



Áo bảo vệ hồ quang Lakeland

Quần bảo vệ hồ quang Lakeland

Găng tay bảo vệ hồ quang Lakeland

Tất bảo vệ hồ quang Lakeland



Áo phản quang



Áo phản quang



Áo phản quang



Bộ quần áo sinh tồn



Áo phao



Quần áo bảo hộ lao động



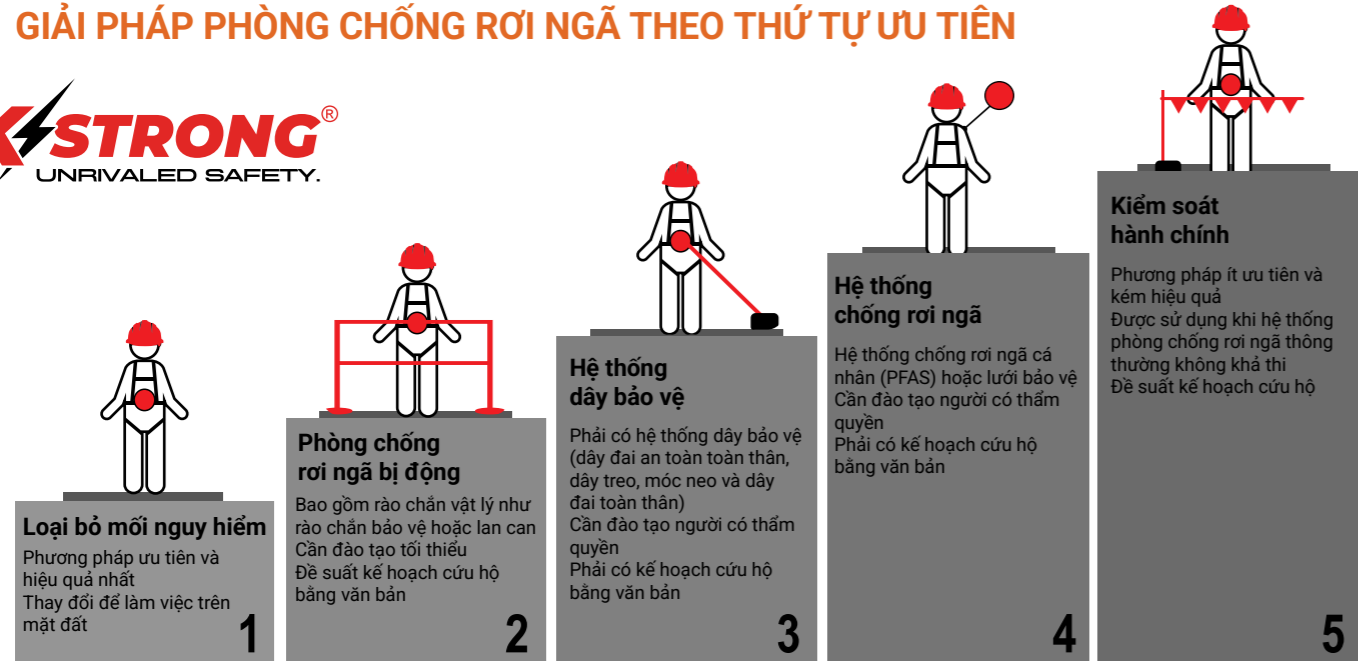
Quần áo bảo hộ lao động (phản quang)



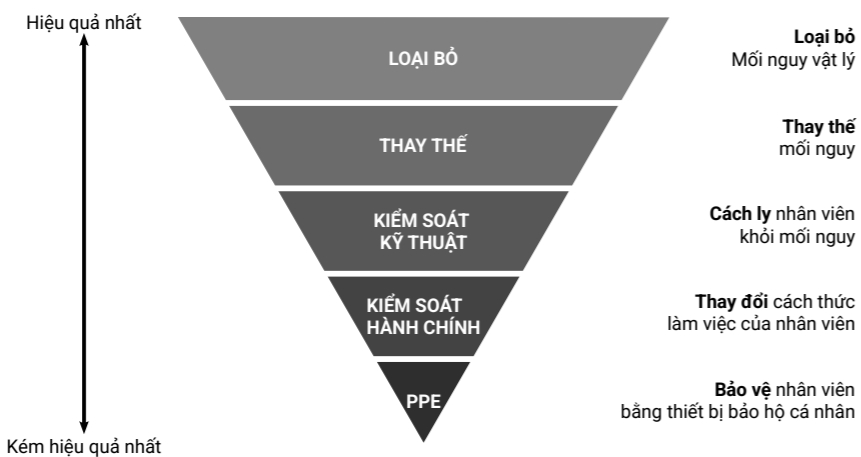
Quần áo bảo hộ lao động



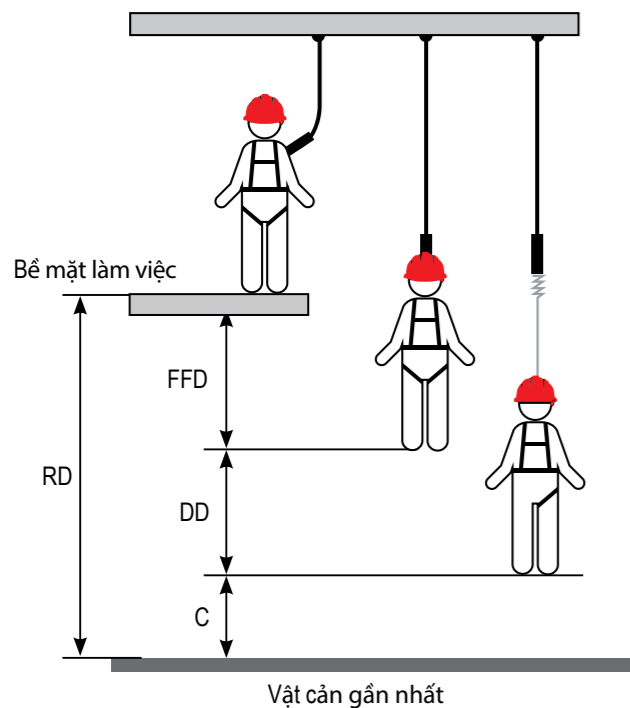
GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG RƠI NGÃ THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN



THỨ TỰ ƯU TIÊN CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT



CÁCH TÍNH KHOẢNG CÁCH RƠI



Khoảng cách rơi là khoảng cách cần thiết để nhân viên không va chạm tới mặt đất hoặc mức thấp hơn trong trường hợp bị ngã

Cách tính khoảng cách rơi:
Khoảng cách yêu cầu = Chiều dài dây treo + Khoảng cách giảm tốc + Độ cao nơi công việc đang diễn ra + Hệ số an toàn
 Tính toán chính xác đảm bảo hệ thống chống rơi ngã sẽ hoạt động để người vận hành không bị thương do tiếp xúc với bất kỳ vật cản nào bên dưới

RD = FFD + DD + C
 RD = Khoảng cách yêu cầu
Bề mặt làm việc đến vật cản gần nhất

FFD = Khoảng cách rơi tự do
Tối đa cho phép 2.0 m

DD = Khoảng cách giảm tốc độ do trọng lực + trượt vòng chữ D và Độ căng của dây đai an toàn

C = Khoảng cách đến vật cản trong khi chống rơi ngã
(Yêu cầu hệ số an toàn tối thiểu 1.0 m)

CẤP TỰ RÚT CHỐNG RƠI NGÃ TRÊN CAO

KStrong mang đến trọn bộ Dây cứu sinh tự rút (SRL) và giải pháp Thu dây cứu hộ nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng trong tất cả các mục sử dụng khác nhau. Dù người sử dụng làm việc trong ngành Xây dựng, Dịch vụ tiện ích, Ngoài khơi, Bảo trì hay ngành Công nghiệp nói chung và công việc lắp đặt trên cao, ở độ cao ngang chân hay được buộc với dây đai an toàn cá nhân, SRL và Thiết bị thu dây MicronTM và BRUTETM đều mang đến hiệu suất bền bỉ và đáng tin cậy.



Móc treo xoay được
 Giúp hộp dây di chuyển nhẹ để giảm thiểu ma sát lên dây cáp nếu hộp dây không được căn chỉnh đúng

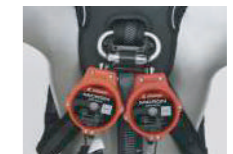
Chốt chọn để chọn chế độ
 Hộp dây hoặc Tời

Tay quay tích hợp

Móc xoay bằng thép không gỉ
 có khả năng chống ăn mòn



Cách sử dụng Micron làm dây treo đơn hoặc đôi có Đầu nối SRL đôi



DÂY ĐAI AN TOÀN TOÀN THÂN

Gối nhàn
Gối nhàn giúp bảo vệ các nhân của Dây đai an toàn, hướng dẫn và mã QR chuyển trực tiếp đến cổng Quản lý tài sản Compass

Dây đai chân, ngực và thắt lưng có thể điều chỉnh
Dây đai chân, ngực và thắt lưng có thể điều chỉnh cho phép người dùng đeo và tháo dây đai dễ dàng

Vòng chữ D bên hông
Vòng chữ D thép có độ bền cao được dùng để cố định vị trí làm việc

Phụ kiện thép có độ bền cao



Vòng chữ D phía sau
Điểm liên kết chống rơi ngã cho phép kết nối dễ dàng với Hệ thống dây bảo vệ

Chỉ báo rơi ngã
Được thiết kế để thả ra khi dây đai an toàn chịu lực và đập do rơi ngã. Nếu chỉ báo rơi ngã bị hỏng, hay phá hủy và vứt bỏ dây đai an toàn

Đệm thắt lưng với vòng chữ D bên hông
Đệm thắt lưng thoải mái hơn cho phép sử dụng trong thời gian dài

Dây đai phụ vùng xương chậu
Dây đai phụ vùng xương chậu giúp phân bố trọng lượng cơ thể đồng đều trên chân và xương chậu, đồng thời ngăn ngừa mọi khả năng tuột dây đai khi ngã

Sử dụng trong công nghiệp



MẶT CẮT CỦA HỆ THỐNG DÂY CỐ ĐỊNH

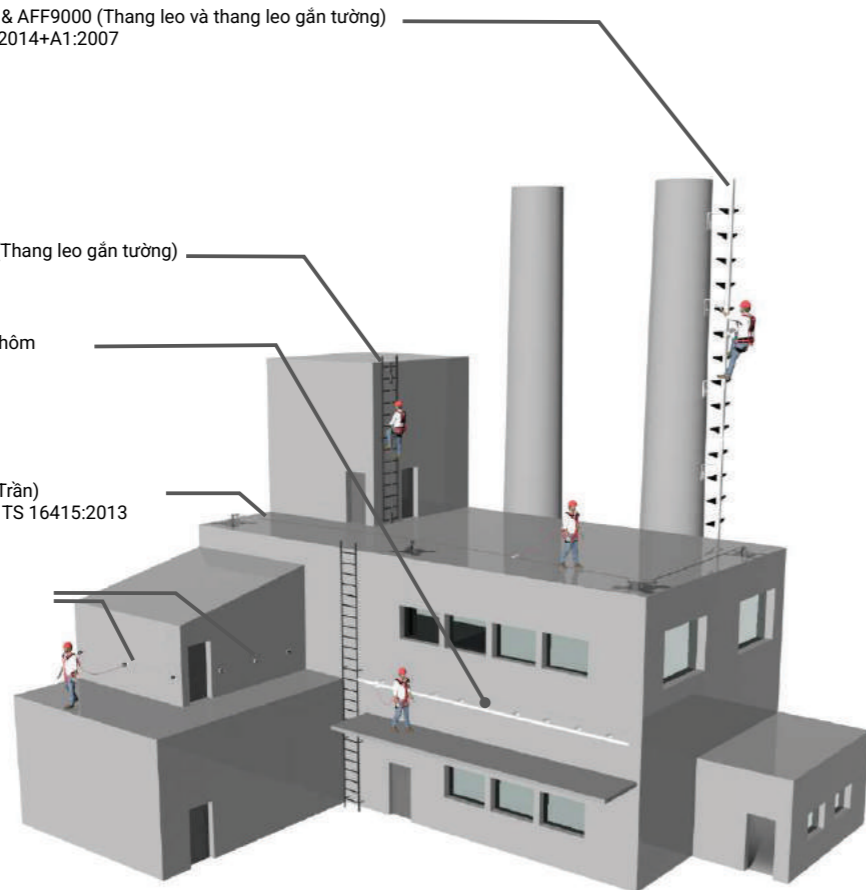
AFF8000 & AFF9000 (Thang leo và thang leo gắn tường)
EN353-1:2014+A1:2007

AFF6000 & AFF7000 (Thang leo gắn tường)
EN795:2012 Type A

AFF5000 Đường ray nhôm (Tường, Sàn, Trần)
EN795:2012 Type D

AFF4000 (Mái, Sàn & Trần)
EN795:2012 Type C & TS 16415:2013

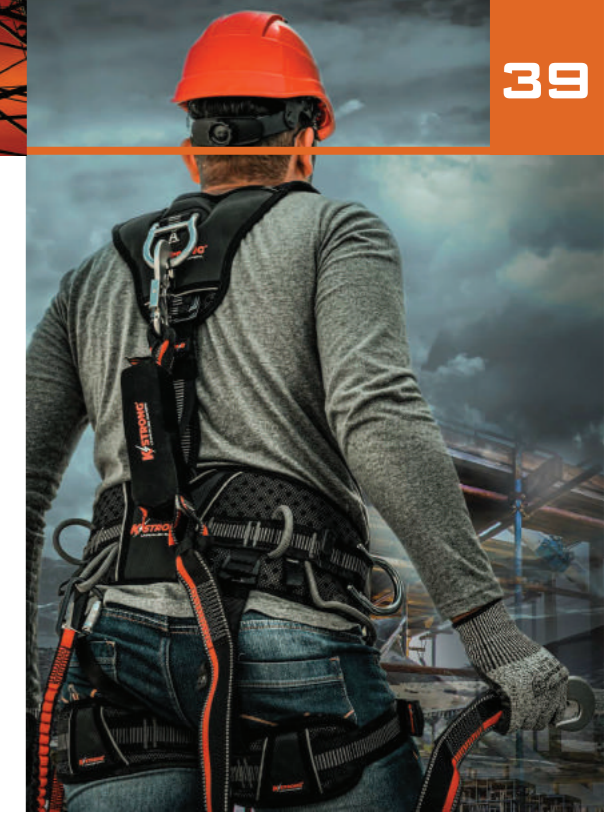
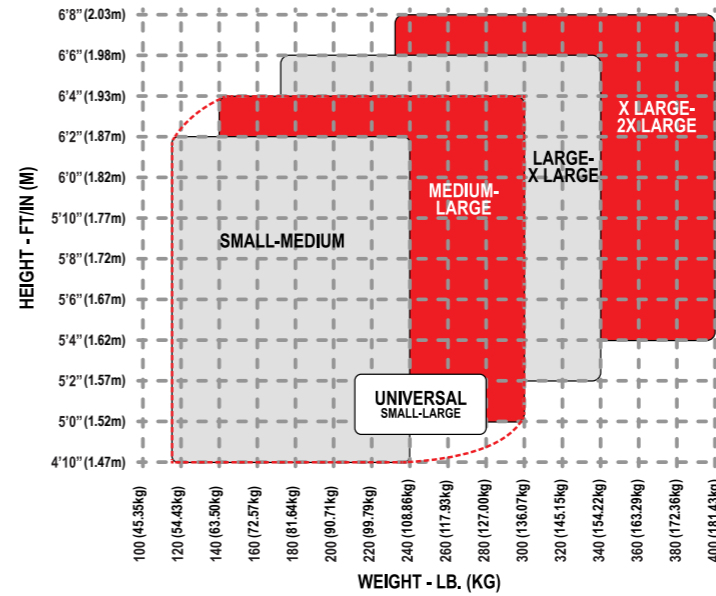
Điểm neo
EN795:2012 Type C



DÂY ĐAI AN TOÀN TOÀN THÂN



Bảng kích thước dây đai an toàn



AFH300103



- 2 điểm điều chỉnh
- 2 điểm liên kết

- Điểm liên kết trên vòng chữ D phía sau và Vòng dây phía trước
- Dây đai ngực và chân có thể điều chỉnh với khóa dây đai ngực
- Chỉ báo rơi ngã

Tiêu chuẩn: EN361:2002

AFH300404



- 4 điểm điều chỉnh
- 4 điểm liên kết

- Vòng chữ D nhôm ở sau lưng, vòng chữ D chống rơi ngã và vòng chữ D ở vùng bụng
- Khóa kết nối nhanh bằng nhôm
- Dây đai cố định vị trí làm việc Air Lite với vòng chữ D bên hông

Tiêu chuẩn: EN 361: 2002, EN 358:2018, EN 813:2008

AFH300250



- 4 điểm điều chỉnh
- 3 điểm liên kết

- Điểm liên kết trên vòng chữ D phía sau và Vòng dây phía trước
- Dây đai vai, ngực, chân có thể điều chỉnh
- Đai lưng cố định vị trí làm việc có đệm với vòng chữ D bên hông

Tiêu chuẩn: EN 361:2002

AFH300252



- 5 điểm điều chỉnh
- 4 điểm liên kết

- Điểm liên kết trên vòng chữ D phía sau, vòng chữ D chống rơi ngã phía trước và ở vùng bụng
- Dây đai cố định vị trí làm việc có đệm vòng chữ D bên hông

Tiêu chuẩn: EN 361:2002, EN 358:2018, EN 813:2008

AFH300701



- 3 điểm điều chỉnh
- 2 điểm liên kết

- Điểm liên kết trên vòng chữ D phía sau và vòng dây phía trước
- Móc giữ dây treo
- Dây đai với khả năng chịu nhiệt cao, cải thiện độ bền và các đặc tính chống cắt

Tiêu chuẩn: EN 361:2002, EN ISO 9150:1988, EN ISO 15025:2002

AFH300703

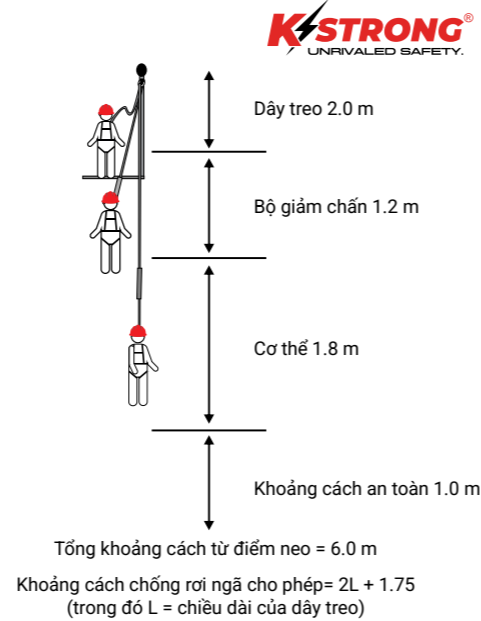


- 3 điểm điều chỉnh
- 3 điểm liên kết

- Điểm liên kết trên vòng chữ D phía sau và Vòng dây phía trước
- Móc giữ dây treo
- Dây đai vai, ngực, chân có thể điều chỉnh

Tiêu chuẩn: EN 361:2002, EN 1149-1:2006, EN 1149-5:2008

DÂY KẾT NỐI



EPIC AFL408211



- Chất liệu: Dây đai dệt đàn hồi
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 44.0mm
- Chiều dài mở rộng: 1.8m
- Chiều dài tự nhiên: 1.4m
- Trọng lượng: 0.93kg

EPIC AFL408251



- Chất liệu: Dây đai dệt đàn hồi
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 44.0mm
- Chiều dài mở rộng: 1.8m
- Chiều dài tự nhiên: 1.4m
- Trọng lượng: 1.236kg

EPIC AFL408341



- Chất liệu: Dây đai dệt đàn hồi
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 44.0mm
- Chiều dài mở rộng: 1.8m
- Chiều dài tự nhiên: 1.4m
- Trọng lượng: 1.976kg

ELITE AFL408131



- Chất liệu: Polyester
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 30.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 0.885kg

ELITE AFL408141



- Chất liệu: Polyester
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 30.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.19kg

ELITE AFL408612



- Chất liệu: Polyester
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Thép
- Chiều rộng dây đai dệt: 30.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.82kg

ESSENTIAL AFL403111



- Chất liệu: Dây thừng bền
- Đầu nối điểm neo: Móc giàn giáo bằng thép
- Đầu liên kết: Móc Karabiner bằng thép có ren vận chốt khóa
- Chiều rộng dây đai dệt: 12.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.22kg

ESSENTIAL AFL403611



- Chất liệu: Dây thừng bền đôi
- Đầu nối điểm neo: Móc giàn giáo bằng thép
- Đầu liên kết: Móc Karabiner bằng thép có ren vận chốt khóa
- Chiều rộng dây đai dệt: 12.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.95kg

ESSENTIAL AFL406341



- Chất liệu: Dây đai dệt Polyester
- Đầu nối điểm neo/ Đầu liên kết: Móc Karabiner bằng thép có ren vận chốt khóa
- Chiều rộng dây đai dệt: 12.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 0.47kg

AtexWorX AFL408721



- Chất liệu: Dây đai dệt Polyester chống tĩnh điện
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Nhôm
- Chiều rộng dây đai dệt: 44.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.11kg

AtexWorX AFL408825



- Chất liệu: Dây đai dệt Polyester chống tĩnh điện
- Đầu nối điểm neo/ đầu liên kết: Nhôm
- Chiều rộng dây đai dệt: 44.0mm
- Chiều dài: 1.8m
- Trọng lượng: 1.78kg

HỆ THỐNG DÂY CỨU SINH THEO PHƯƠNG NGANG

AFF4000 (Sàn/ Trên mái)



EN 795:2012 Type C
TS 16415:2013

Hệ thống dây cáp chống rơi ngã trên cao AFF4000 (OH) được thiết kế sử dụng cho các tòa nhà thương mại và công trình công nghiệp thuộc tất cả các loại hình. Hệ thống được thiết kế bao gồm tất cả các yêu cầu khi làm việc trên cao như bảo trì, vệ sinh, kết nối, khoang rửa và kiểm tra.

Hệ thống dây cáp cố định chống rơi ngã trên cao là giải pháp tích hợp để ngăn chặn rủi ro rơi ngã của người dùng khi làm việc liên tục trong các tòa nhà/ kiến trúc có yếu tố tiềm ẩn khả năng rơi ngã và điểm liên kết chống rơi ngã trên đầu hoặc bên cạnh của tòa nhà/ kiến trúc.

Hệ thống này cho phép đi bộ dọc theo mép ngã trong một khoảng cách liên tục trong khi vẫn giữ kết nối trong hệ thống chống rơi ngã. An toàn, đơn giản và độ bền cao là một số từ chính để giải thích cho những ưu điểm của hệ thống này.

Hệ thống này được làm bằng các thành phần thép không gỉ, dây cáp được duy trì ở vị trí cứng cáp bằng cách sử dụng hai giá đỡ, một ở đầu và một ở cuối.

Hệ thống chống rơi ngã trên cao AFF4000 (OH) đã được kiểm tra nghiêm ngặt và được sản xuất theo Tiêu chuẩn EN 795:2012 Loại C & TS 16415: 2013, đảm bảo về chất lượng của bất kỳ hệ thống nào được lắp đặt.

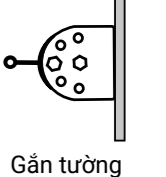
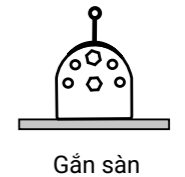
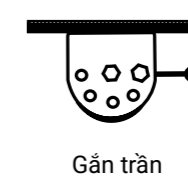


Hình ảnh	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Mô tả
	Bộ giảm chấn	AFF112100	Chất liệu: Thép không gỉ 304
	Tăng đơ căng dây	AFF114100	Quy định lực căng của cáp Chất liệu: Thép không gỉ 316 Tính năng: kết thúc theo giai đoạn
	Dây cáp	AFF518XXX(S)	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Đường kính: 8mm Thị công: 7x19
	Con trượt thép không gỉ	AFF119000	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Tính năng: Chuyển động tự do ma sát
	Điểm trung gian	AFF111510	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Khuyến nghị cài đặt sau 8-12 mét
	Kết thúc cáp	AFF113210	Cho phép uốn dây cáp ở độ dài mong muốn và loại bỏ nguy cơ dây bị lỏng Chất liệu: Thép không gỉ 316 Tính năng: kết thúc theo giai đoạn
	Tấm neo dây	AFF113710	Chất liệu: Thép không gỉ 316
	Bảng kiểm tra	AFF115100	Xác định nguồn gốc và duy trì, kiểm tra quá trình thực hiện

Tùy chọn:



Định hướng giá đỡ trung gian cho các cài đặt khác nhau



HỆ THỐNG ĐIỂM NEO DÂY CỨU SINH THEO PHƯƠNG ĐỨNG

AFF6000



Tay nổi dài thang đứng - AFF516600

EN 353-1:2014+A1:2017

Chứng nhận theo tiêu chuẩn EN 353-1:2014+A1:2017, Hệ thống dây cứu sinh chống rơi ngã theo phương thẳng đứng là một giải pháp tích hợp để ngăn chặn khả năng rơi ngã của người dùng khi phải liên tục leo lên và xuống thang.

Dây neo dọc được làm bằng dây thép không gỉ và được duy trì ở vị trí cứng bằng cách sử dụng 2 giá đỡ, 1 ở trên cùng và 1 ở dưới cùng.

Móc kéo bằng thép không gỉ di chuyển lên và xuống trên điểm neo của dây đi cùng với người dùng được kết nối với sự kết hợp của dây giảm sóc.

Để duy trì độ cứng và lực căng của dây neo, một bộ căng cơ học kiểu vít được cung cấp ở cuối đường dây neo phía dưới nối với giá đỡ bên dưới.

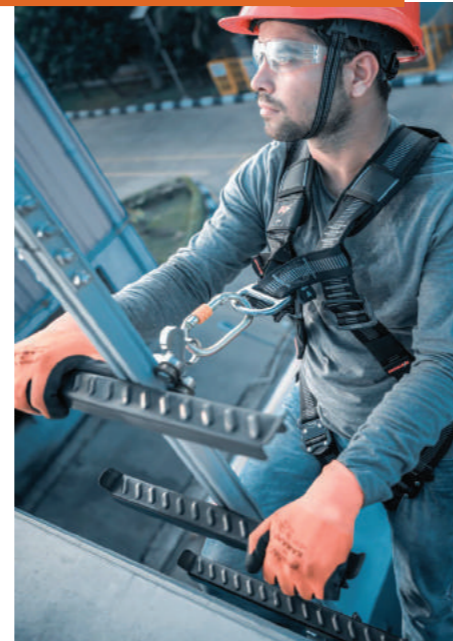
Các thiết bị trung gian được cung cấp đều đặn để ngăn ngừa sự chênh lệch của điểm neo của dây khỏi vị trí trung bình do áp suất gió hoặc chuyển động cơ học.

Các tùy chọn về đầu cuối dây có sẵn: Loại chuyển đổi, loại không ngoằn ngoèo và đầu cuối kết thúc bằng tia U. (U bu lông đầu cuối chỉ được sử dụng ở phía dưới cùng)

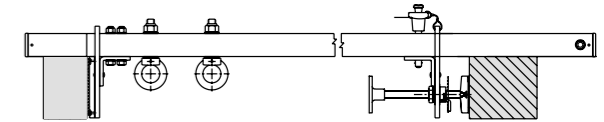
Các tính năng quan trọng:

- Đơn giản và dễ cài đặt với lực nhỏ nhất
- Móc kéo đi kèm với cơ chế chống đảo ngược đặc biệt cho phép luôn được lắp vào đúng vị trí

Hình ảnh	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Mô tả
	Khung lắp	AFF511000	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Sức phá vỡ: 23kN Phù hợp với EN 795 Loại A
	Công chữ D	AFF112100D	Chất liệu: Thép không gỉ 316
	Đầu bọc dây bấm	AFF513801	Ống nổi tròn: 1 Vòng nổi thép: 2 Dây cáp nhôm: 1
	Móc kéo	AFG805202	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Cơ chế chống đảo ngược Chất liệu của Karabiner: Thép hợp kim
	Post trung gian	AFF511500	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Khuyến nghị cài đặt sau 10.0m
	Bộ gồm 2 bu lông chữ U, 1 dây cáp và 1 vòng nổi thép	AFF513000	Bu lông chữ U: 2 Chất liệu: Thép không gỉ 316 Ống nổi tròn: 1 Chất liệu: Thép không gỉ 316
	Cáp chuyển đổi	AFF514000	Quy định lực căng của cáp Được trang bị với chỉ báo căng dây Chất liệu: Thép không gỉ 316 Số lượng: 1
	Bảng kiểm tra	AFF115100	Xác định nguồn gốc và duy trì, kiểm tra quá trình thực hiện
	Dây cáp	AFF518XXX	Chất liệu: Thép không gỉ 316 Đường kính: 8mm Thị công: 7x19
	Bộ khung lắp nổi dài	AFF513700: Chất liệu: Thép không gỉ AFF513700 (EC): Chất liệu: Thép hợp kim với lớp phủ ED màu đen	



THÔNG TIN VỀ ĐIỂM NEO



- Đảm bảo rằng các điểm neo trên một tòa nhà hoặc công trình mà người vận hành sử dụng được kỹ sư chứng nhận, trừ khi người giám sát an toàn độ cao thấy rõ ràng hệ thống neo ổn định về cấu trúc và cũng phải có biển báo cung cấp thông tin về điểm neo.

- Sử dụng bảng được cung cấp để chắc chắn rằng điểm neo có khả năng chịu tải tối ưu để một người sử dụng khi tải theo hướng dây treo, dây neo hoặc dây an toàn trong quá trình chống rơi ngã.

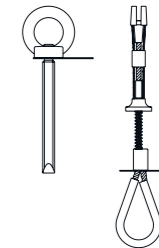
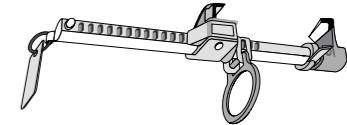
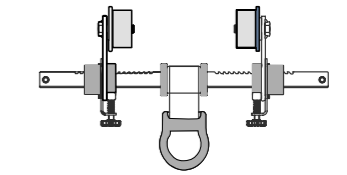
- Khi hai người sử dụng một điểm neo, yêu cầu về tải trọng tối thiểu đối với điểm neo phải là 21kN và không được quá hai người sử dụng cùng một điểm neo.

- Hãy cẩn thận với tình huống rơi tự do khi sử dụng điểm neo. Điều này áp dụng cho trường hợp chống rơi ngã tự do khi tình huống rơi ngã >600mm và hạn chế rơi ngã tự do khi tình huống rơi ngã <600mm và không được chèn lên trên điểm neo.

- Luôn để ý đến xung quanh khi làm việc trên cao. Kiểm tra xem có chướng ngại vật phía trên và phía dưới khu vực làm việc hay không.

- Nếu một điểm neo trông có vẻ bị hư hỏng, hãy dán thẻ hoặc ngưng sử dụng cho đến khi được người có đủ năng lực kiểm tra.

- Nếu có nghi ngờ về điểm neo, hãy hỏi nhà sản xuất và/ hoặc tham khảo tiêu chuẩn EN 795:2012



NEO GẮN BÊ TÔNG CÓ THỂ THÁO RỜI

- KStrong giới thiệu một điểm neo cực kỳ dễ lắp đặt chỉ bằng một tay.

- Thiết kế có thể tháo ra khỏi kết cấu mà không làm hỏng kết cấu hoặc neo, qua đó có thể tái sử dụng.

- Có thể lắp đặt qua một lỗ được xác định trước có đường kính 18-19 mm bằng cách khoan sâu 110 mm.

- Các mặt bích được kéo vào khi kéo lỗ móc neo để neo đi qua lỗ. Khi thả lỗ móc neo ra, các mặt bích này sẽ tỏa ra phần bên ngoài của tường bê tông và giữ neo ở yên vị trí.

- **Chất liệu:** Hàm ê-tô-Móc neo bằng thép không gỉ - Polyurethane

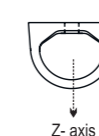
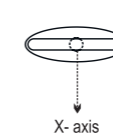
- **Dây cáp mạ kẽm đường kính 6.0 mm**

- **Độ bền đứt tối thiểu: 15kN**

- **Tiêu chuẩn:** EN 795:2012 Loại B và AS/NZS 5532:2013

NEO MỘT ĐIỂM

AFA930001



Neo một điểm bằng thép rèn được thiết kế để gắn trên tường, trần nhà, nóc nhà và kết cấu thép.

Chất liệu: Thép hợp kim

Độ bền đứt tối thiểu: 23kN

Tiêu chuẩn: EN 795:2012 Loại A, TS 16415:2013 Loại A và ANSI Z359.18-2017 Loại A

Chứng nhận: AS/NZS 5532:2013

Trọng lượng: 380g

AFA930301



Hướng tải đã được kiểm nghiệm

KHIÊN CHE MẶT BULLARD



Bullard 100G

Giá đỡ bằng nhôm mạ vàng, phía trước với kiểu dáng lưới trai chắc chắn. Kết hợp với khiên che mặt



Bullard 840PW5

Chất liệu mặt kính polycarbonate. Kích thước 8 x 15 x 0,040 Inch. Phù hợp với tất cả các đầu nối gắn kính của Bullard

Dòng khiên che mặt của Bullard cung cấp khả năng bảo vệ vượt trội, tăng tính linh hoạt và thoải mái. Người dùng có thể lựa chọn kiểu đeo bằng dây đeo hoặc có khe gắn cố định vào mũ nón của mình. Những cải tiến được thực hiện cho dòng giá đỡ bao gồm:

- Phong cách, kiểu dáng đẹp
- Thiết kế tiện dụng dễ cầm nắm
- Tính linh hoạt để phù hợp với tất cả dòng nón bảo hộ và Bump Cap của Bullard
- Giá đỡ gắn dây đeo phù hợp với các mẫu đầu nối khác nhau

Đầu nối gắn kính

Đầu nối gắn kính được làm từ nhôm mạ vàng chắc chắn. Chúng lý tưởng cho các ứng dụng xử lý hóa chất và nhiệt độ cao.

Khiên che mặt

Khiên che mặt Bullard phù hợp với tiêu chuẩn ANSI / ISEA Z87.1-2015 để bảo vệ mắt và mặt khi được sử dụng kết hợp với mũ đội đầu Bullard hoặc kính che mặt.



KHIÊN CHE MẶT 3M



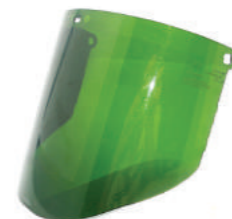
3M W96

Chất liệu Propionate trong suốt chống hóa chất văng bắn



3M W96IR3

Chất liệu Polycarbonate với 3 điểm kết nối



3M WP96

Chất liệu Polycarbonate. Chống va đập cao



3M H4

Hệ thống điều chỉnh bằng nút cài



3M H8

Hệ thống điều chỉnh bằng nút vặn



3M H24M

Giá đỡ khiên che mặt dùng chung với nón bảo hộ 3M

MẶT NẠ HÀN 3M 10V



Mặt nạ hàn 3M 10V

Thiết kế gọn nhẹ, dễ dàng sử dụng

- Mặt nạ hàn tự động 3M 10V được thiết kế gọn, nhẹ, phù hợp với hầu hết người lao động. Dây đeo được thiết kế vòng qua sau đầu và có nút vặn để cố định mặt nạ với đầu của người sử dụng

Tự động điều chỉnh mức độ ánh sáng

- Mặt nạ hàn 3M 10V có thể tự động điều chỉnh mức độ ánh sáng phù hợp với mắt khi người lao động làm việc.

Ứng dụng

- Mặt nạ hàn 3M giúp bảo vệ mặt người lao động khi làm những công việc liên quan đến hàn xì, bức xạ hồ quang điện, ngành xây dựng, ngành cơ khí, sửa chữa trang thiết bị...

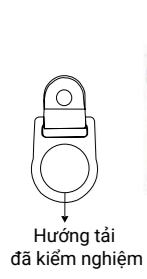


Trọng lượng trung bình	390 g (13.76 oz)
Kích thước kính	3.66 x 1.73 in (93 x 44 mm)
Thời gian chuyển đổi (sáng-tối)	0.1 ms (+23 ° C)
Bảo vệ UV/IR	12
Thang sáng	3
Thang tối	10-12
Loại pin và thời gian sử dụng	Pin Lithium 3V CR2032: Thời gian sử dụng 1500 giờ
Nhiệt độ hoạt động	23 0 F đến 131 0 F (-5 0 C to +55 0 C)
Kích cỡ đầu	52 - 63 cm
Tiêu chuẩn sản phẩm	ANSI Z87.1 , ANSI Z89.1, CSA Z94.3



BU LÔNG NEO

AFA930050



Hướng tải đã kiểm nghiệm



- Có thể dễ dàng lắp đặt lên kết cấu bê tông và kim loại bằng hóa chất M16 cũng như ốc vít cơ khí.

- Vòng chữ D có thể dùng làm một điểm neo.

- **Chất liệu:** Thép hợp kim

- **Độ bền đứt tối thiểu:** 23kN

- **Lớp phủ bề mặt:** Phun bi và thụ động hóa màu vàng/xanh dương

- **Chứng nhận:** EN 795:2012 Loại A

- **Tiêu chuẩn:** ANSI Z359.1-2007

- **Trọng lượng:** 280g ± 20.0g



NEO GẮN MẶT BÍCH BẰNG THÉP KHÔNG GỈ

Ốc vít M10 AFA930501

Ốc vít M12 AFA930502



- Có thể sử dụng cùng hóa chất cũng như trong dụng cụ siết bu-lông đai ốc cơ khí trong lỗ định sẵn có đường kính 12 mm (AFA930501) hoặc 14 mm (AFA930502) bằng cách khoan sâu 95 mm.

- **Chất liệu:** Thép không gỉ

- **Độ bền đứt tối thiểu:** 15kN

- **Lớp phủ bề mặt:** Đánh bóng điện hóa

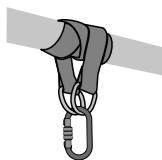
- **Gia công:** Dập

- **Chứng nhận:** AS/NZS 5532:2013

- **Tiêu chuẩn:** EN 795:2012 Loại A và ANSI Z359.18-2017

DÂY BUỘC NGANG HOTWORX WELDERS

AFA927015



- **Chất liệu:** Dây đai dệt sợi Para-Aramid rộng 44mm

- **Chiều dài:** 1.5m

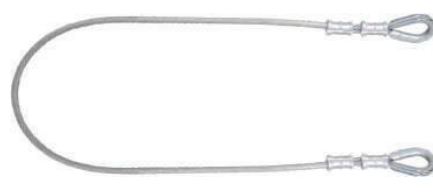
- **Đầu liên kết:** Vòng chữ D trên cả hai đầu

- **Độ bền đứt:** 23kN

Chứng nhận: EN 795:2012 Loại B, ISO 9150:1988 và EN ISO 15025:2002

Trọng lượng: 260g ± 10.0g

DÂY TREO CÁP NEO BẰNG THÉP



AFA910010 (1.0mtrs)
AFA910015 (1.5mtrs)
AFA910020 (2.0mtrs)

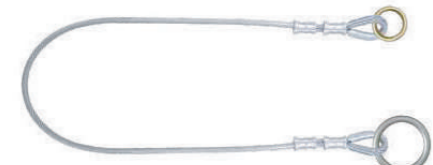
- **Chất liệu:** Dây cáp thép mạ kẽm phủ PVC đường kính 8.0mm

- **Đầu liên kết:** Vòng nối thép ở hai đầu

- **Độ bền đứt tối thiểu:** 23kN

- **Chứng nhận:** EN 795:2012 Loại B

AFA910030 (1.8mtrs)



THIẾT BỊ TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ



Giá ba chân AFT710007 & AFT710010

- Các puli gắn đầu tích hợp đôi được kết hợp cố định vào đầu nhôm đúc của Giá ba chân và tạo ra khả năng truyền cáp độc lập từ Tời và Hộp dây giải cứu.

- Hai Bu lông đầu vòng phụ làm điểm liên kết.

- Có tấm bịt hỗ trợ bằng thép đi kèm miếng lót cao su để tăng ma sát và mang lại sự ổn định hơn.

- Mỗi Giá ba chân đều được cung cấp các phụ kiện lắp đặt đa năng được lắp đặt sẵn để dễ dàng gắn Tời và hộp dây giải cứu.



Tời AFT730020 (20m) & AFT730040 (40m)

- **Chất liệu dây tời:** Dây cáp thép mạ kẽm đường kính 4.5 mm

- **Công suất tải tối đa:** Người 140kg và vật liệu 250kg

Đầu nối: Móc Karabiner bằng thép có ren vận chốt khóa

AFT730120 (20m) & AFT730135 (35m)

- **Chất liệu dây tời:** Dây cáp thép mạ kẽm đường kính 6.0 mm

- **Công suất tải tối đa:** Người 140kg

Đầu nối: Móc khóa xoay được bằng thép

Tay đòn cần trục neo đế chữ H - AFT751011

- **Chất liệu:** Hợp kim nhôm có độ bền cao

- **Mở rộng tối thiểu và tối đa của đế chữ H:** Ø1100 mm - Ø1510 mm

- **Công suất tải tối đa:** 500 kg

- Cần trục neo đế chữ H Extreme được chia thành năm bộ phận để bảo quản, vận chuyển và thiết lập. Không cần công cụ khi lắp ráp

- Thiết kế theo mô đun cho phép sử dụng nhiều loại đế cố định và di động khác nhau và một trụ tùy chọn có phần mở rộng

- Dầm tay treo đi kèm với 3 vị trí điều chỉnh để người sử dụng điều chỉnh độ cao theo yêu cầu.

- Đây là lựa chọn lý tưởng để cung cấp điểm neo trên cao trong các lỗ lớn của không gian hạn chế.

Tay đòn điều chỉnh độ cao đơn giản với mức Mini Spirit.

Cần trục neo và đế theo Mô đun

AFT751021



AFT751031



Phụ kiện của cần trục neo Extreme

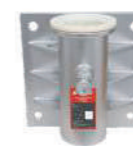


AFS510020R

Đi kèm



AFT730020



Giá gắn tường (AFT7500BW)



Giá gắn sàn (AFT7500BF)

MÁY DÒ ĐƠN KHÍ Dräger

Dräger Pac 6000

Máy dò khí cá nhân Dräger Pac 6000 đo CO, H₂S, SO₂ hoặc O₂ một cách đáng tin cậy và chính xác, ngay cả trong những điều kiện khắc nghiệt nhất. Thiết kế mạnh mẽ, thời gian phản hồi của cảm biến nhanh và pin mạnh đảm bảo an toàn tối đa lên đến hai năm mà hầu như không cần bảo trì.



Dräger Pac 6500

Máy dò khí cá nhân đo được CO, H₂S, SO₂ hoặc O₂ một cách chính xác, ngay cả trong những điều kiện khắc nghiệt nhất. Thời gian phản hồi của cảm biến nhanh và pin mạnh đảm bảo an toàn. Kết quả đo được có thể dễ dàng được truyền tới hệ thống phần mềm Dräger qua Bluetooth®.



Dräger Pac 8000

Máy dò đơn khí cá nhân phát hiện các nồng độ độc hại của 29 loại khí khác nhau, trong đó có những loại khí đặc biệt như NO₂, O₃ hoặc COCl₂. Kết quả đo được có thể dễ dàng được truyền tới hệ thống phần mềm Dräger Gas Detection Connect qua Bluetooth®.

MÁY DÒ ĐA KHÍ Dräger



Dräger Pac 8500

Máy dò đa khí Dräger Pac 8500 đo được chính xác ngay cả trong những điều kiện khắc nghiệt nhất. Máy dò có thể được trang bị cảm biến CO bù hydro hoặc cảm biến kép Dräger. Cảm biến kép cho phép lựa chọn đo hai khí cùng lúc: H₂S với CO hoặc O₂ với CO.



Dräger X-am 2500

Máy dò khí phát hiện từ 1 đến 4 khí một cách đáng tin cậy các khí và hơi dễ cháy như O₂, CO, NO₂, SO₂, H₂S, các cảm biến bền và dễ xử lý đảm bảo mức độ an toàn cao với chi phí vận hành cực thấp



Dräger X-am 5000

Máy dò khí phát hiện từ 1 đến 5 khí đo lường các khí dễ cháy như O₂ và nồng độ có hại của Cl₂, CO, CO₂, H₂, H₂S, HCN, NH₃, NO, NO₂, PH₃, SO₂ và hơi hữu cơ.



Dräger X-am 5600

Với thiết kế tiện dụng và công nghệ cảm biến hồng ngoại sáng tạo, Dräger X-am 5600 là thiết bị phát hiện khí nhỏ nhất để đo lên đến 6 loại khí.



Dräger X-am 5100

Để sản xuất các sản phẩm hóa dầu, đóng gói vô trùng hoặc xử lý nhiên liệu tên lửa: Máy dò đơn khí cầm tay Dräger X-am 5100 sử dụng các phương pháp an toàn nhất có thể để xử lý HF, HCl, H₂O₂ hoặc Hydrazine.



Dräger X-am 7000

Là phép đo đồng thời và liên tục của tối đa 5 loại khí. Đây là thiết bị lý tưởng trong nhiều ứng dụng khác nhau, phát hiện oxy, khí, hơi độc và chất dễ cháy.



Dräger X-zone 5000

Giám sát khu vực hiện đại Dräger X-zone 5000, dụng cụ kết hợp với máy phát hiện khí Dräger X-am 5000 hoặc 5600, có thể được sử dụng để đo lường lên đến 6 loại khí.



Dräger X-dock 5300/6300/6600

Cung cấp toàn quyền kiểm soát các thiết bị phát hiện khí Dräger cầm tay. Kiểm tra và đập tự động và hiệu chuẩn với mức tiêu thụ khí thử nghiệm giảm và thời gian thử nghiệm ngắn giúp tiết kiệm thời gian và chi phí



Thiết bị kiểm tra Bump Test

Dễ sử dụng, độc lập và linh hoạt: Với thiết bị kiểm tra Bump Test, việc kiểm tra chức năng của các thiết bị phát hiện và cảnh báo khí có thể được thực hiện dễ dàng và với khu vực độc lập



X-zone 5000 Com

X-zone Com được thiết kế dành cho công nghiệp, kết hợp hỗ trợ truyền tải giữa Dräger Xzone 5x00 với Dräger X-am 5x00. Hỗ trợ truyền tải không dây và gửi dữ liệu đến thiết bị trung tâm thông qua đánh giá hoặc địa chỉ, email, website

MÁY ĐO KHÍ HONEYWELL

Honeywell cung cấp đầy đủ các giải pháp hệ thống phát hiện khí không dây, bao gồm các thiết bị cá nhân, cầm tay, có thể vận chuyển và cố định. Được thiết kế để đáp ứng nhu cầu giám sát trong nhiều ứng dụng và môi trường công nghiệp khác nhau.



ToxiRAE Pro

ToxiRAE Pro là máy đo khí cầm tay có kết nối không dây. Dùng để đo khí độc và Oxy. ToxiRAE Pro có thể phát hiện một dải rộng các khí từ CO, H₂S, O₂ đến NH₃, Cl₂, HCHO.



QRAE 3

Máy đo đa khí Honeywell QRAE 3 - PGM 2500 là sản phẩm được thiết kế để có thể đo và phát hiện được 4 loại khí khác nhau trong cùng lúc. Sản phẩm có thể đo cùng lúc khí Oxy, LEL (khí dễ cháy), Hydrosulfua (H₂S), Carbonmonoxit (CO).



MicroRAE 3

MicroRAE là một sản phẩm máy dò khí đo khuếch tán đa khí không dây, đồng thời đo đến bốn loại khí, bao gồm hydro sunfua (H₂S), carbon monoxide (CO), oxy(O₂) và chất dễ cháy (LEL).



AutoRAE 2

Hệ thống Kiểm tra và Hiệu chuẩn Tự động giúp việc tuân thủ các yêu cầu kiểm tra và hiệu chuẩn của máy giám sát khí dễ dàng với chỉ 1 lần nhấn nút



MiniRAE 3000

MiniRAE 3000 là máy đo hợp chất khí hữu cơ cầm tay chuyên dụng, đo các chất hữu cơ ở dạng rắn hoặc lỏng có thể bay hơi một cách tự nhiên khi tiếp xúc với áp suất khí quyển tại nhiệt độ thường. Thuộc dòng máy dò khí Honeywell thế hệ thứ 3. Sử dụng công nghệ PID



UltraRAE 3000

Honeywell UltraRAE 3000 dùng để sử dụng đo nồng độ hợp chất hữu cơ VOC. Phạm vi đo từ 0,05 ppm đến 10.000 ppm cho chế độ VOC và 50 ppm đến 200 ppm cho chế độ benzen



MeshGuard

Hoạt động bằng pin, đo được bức xạ khí và gamma. Cài đặt và vận hành đơn giản, có thể điều chỉnh cấu hình cho nhiều ứng dụng và kết nối dễ dàng với bộ điều khiển và / hoặc thanh cảnh báo không dây



MultiRAE

Máy dò hơi hóa chất cầm tay không dây tiên tiến nhất trên thị trường, được trang bị hơn 20 cảm biến thông minh có thể hoán đổi cho nhau

AreaRAE PRO

Máy đo khí phát hiện nhiều mối đe dọa không dây, cầm tay, phát hiện được 7 mối đe dọa, bao gồm bức xạ Gamma, VOC, chất dễ cháy, chất độc và oxy. Lý tưởng cho các đội cứu hỏa, quân đội. Với thiết kế bền bỉ và chịu được thời các môi trường khắc nghiệt.

AreaRAE Plus

Máy dò khí không dây cầm tay phát hiện nhiều mối đe dọa, có thể giám sát đồng thời 7 mối nguy hiểm, bao gồm VOC, chất dễ cháy, chất độc và oxy. Được thiết kế cho những người ứng cứu đầu tiên trong công nghiệp và những người trong đội cứu hỏa. Với thiết kế chắc chắn và chịu được trong môi trường khắc nghiệt



Honeywell BW MicroClip XL

- Khí phát hiện H₂S, CO, O₂ và khí cháy
- Kích thước: 11,3 x 6,0 x 3,1 cm / 4,4 x 2,4 x 1,2 in.
- Trọng lượng: 190 g / 6,7 oz.
- Nhiệt độ làm việc -4 đến 122°F / -20 đến 50°C
- Thời gian sạc 6 giờ
- Pin lithium polymer
- Dung lượng pin 18 tiếng
- Độ ẩm: 0% - 95% (không ngưng tụ)



Honeywell BW Max XT II

- Khí phát hiện H₂S, CO, O₂ và khí cháy
- Kích thước 5,1 x 2,8 x 2,0 inch / 13,1 x 7,0 x 5,2 cm
- Trọng lượng 11,1 oz. / 316 g
- Nhiệt độ làm việc -4 đến 122°F / -20 đến 50°C
- Thời gian làm việc :13 giờ @ 32°F / 0°C 10 giờ @ -4°F / -20°C
- Thời gian sạc 6 giờ



Dräger Alcotest 5510

Giao diện trực quan, cho phép nhân viên nhanh chóng tiến hành lấy mẫu nồng độ cồn trong hơi thở và đọc kết quả. Chỉ sử dụng cho cơ quan thực thi pháp luật



Dräger Alcotest 7510

Thiết bị đo nồng độ cồn trong hơi thở cầm tay Dräger Alcotest @ 7510 có thiết kế nhỏ gọn và mạnh mẽ. Được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng sàng lọc tiên tiến. Thiết bị đạt tiêu chuẩn OIML 126R



Dräger Alcotest 6820

Dräger Alcotest@ 6820 med là phiên bản đặc biệt của loạt sản phẩm Dräger Alcotest@. Thiết bị đo nồng độ cồn được thiết kế để phân tích nồng độ cồn trong hơi thở. Sản phẩm có nhãn CE dành cho sản phẩm y tế, và cung cấp rất nhiều tính năng giúp đơn giản hóa công việc hàng ngày trong lĩnh vực y tế



Dräger Alcotest 7110MKV

Dräger Alcotest 7710 Evidential là dòng sản phẩm được cấp phép sử dụng ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới. Sản phẩm có tiêu chuẩn DIN VDE 0405 và OIML 126



Dräger Alcotest 9510

Với tính năng dễ sử dụng, thiết kế hiện đại, màn hình hiển thị đồ họa cảm ứng và một số kết nối giao tiếp với các thiết bị ngoại vi, Dräger Alcotest 9510 thiết lập tiêu chuẩn vượt trội. Chỉ sử dụng cho cơ quan thực thi pháp luật



Dräger Interlock XT

Thiết bị đo nồng độ cồn Interlock XT gắn trên các loại phương tiện giao thông để kiểm tra lái xe trước khi khởi động máy. Sản phẩm góp phần thay đổi thói quen sử dụng rượu bia của người tham gia giao thông



Dräger DrugTest 5000

Thiết bị phát hiện ma túy Dräger DrugTest@ 5000 - Bộ kiểm tra và Phân tích - phát hiện chất kích thích tại hiện trường nhanh chóng và chính xác. Các chất như chất gây nghiện, cocain, cannabinoid, amphetamin cũng như các chất kích thích pha chế và thuốc an thần dựa trên các thành phần benzodiazepine có thể được phát hiện thông qua mẫu nước bọt hoặc mẫu từ bề mặt.



Dräger Mobile Printer

In kết quả đo nồng độ cồn và ma túy trong hơi thở mà không cần sử dụng nguồn điện chuyên dụng. Hoạt động trên 4 pin AA

Dräger PAS AirPack 1



Bộ cấp khí xe đẩy Dräger PAS AirPack 1. Sản phẩm lý tưởng để sử dụng khi cần thời gian thở kéo dài trong không gian hẹp, làm sạch bồn chứa hóa chất, đồ chất độc hại. Cả hai ống dẫn khí đồng hồ hiển thị áp suất và cấp khí đều được lắp vào khung rộng, do đó giảm thiểu được rủi ro bị rơi và gây

Dräger PAS Colt



Linh hoạt và thân thiện với người dùng. Tùy theo các yêu cầu hoạt động, Dräger PAS Colt đã được hoàn toàn chấp thuận để sử dụng trong các ứng dụng cần thiết hoặc là cho các thiết bị hỗ trợ tiếp cận ngắn hạn, thiết bị thở thoát hiểm khẩn cấp cho ngành hàng không, hoặc cả hai chức năng trên.

The new Dräger X-plore 9000



Thiết bị thở Dräger X-plore@ 9x00 được thiết kế dành cho các ứng dụng công nghiệp nhẹ, mang lại sự thoải mái và khả năng bảo vệ hô hấp đáng tin cậy. Nhờ trang bị các tính năng như bộ phận điều chỉnh áp suất lưu lượng khí an toàn độc nhất và chức năng tự kiểm tra thiết bị, người sử dụng có thể tận hưởng sự thuận tiện, an toàn.

Dräger Saver CF 15



Thiết bị thở thoát hiểm khẩn cấp Dräger Saver CF cho phép thoát khỏi môi trường nguy hiểm một cách an toàn, hiệu quả và đơn giản. Dễ đeo và vận hành tự động, thiết bị thở có lưu lượng khí ổn định sử dụng được 10 - 15 phút

Dräger Saver PP 15



Mặt nạ trùm full mặt cho phép thoát khỏi môi trường nguy hiểm một cách an toàn. Sản phẩm được trang bị các xi lanh để cung cấp không khí trong 10 hoặc 15 phút.

Dräger PARAT 5500



Mũ trùm thoát hiểm chống cháy Dräger PARAT@ 5500 được phát triển phù hợp với người dùng - luôn tập trung vào việc giúp thoát hiểm nhanh nhất có thể. Tối ưu vận hành và thoải mái khi đội, lớp vỏ chắc chắn và bộ lọc CO P2 đã được thử nghiệm giúp bảo vệ chống khí, hơi và hạt tạp chất độc hại trong đám cháy ít nhất là trong 15 phút khi thoát hiểm.

AIRVISOR 2



Bộ dụng cụ AIRVISOR 2 là mặt nạ phòng độc được thiết kế theo tiêu chuẩn EN14594. Sản phẩm sử dụng cùng với hệ thống lọc Honeywell Clearflow 3. Một bộ điều chỉnh trong bộ phận thắt lưng duy trì, giữ áp suất ổn định. Bên trong có tấm che mặt đảm bảo rằng không có ô nhiễm nào có thể xâm nhập

Fenzy Bio-Scape EBA (AS NZS)



Nhẹ, nhỏ gọn và dễ sử dụng, Thiết bị thở thoát hiểm khẩn cấp Fenzy Bio-scape (EEBA) phù hợp sử dụng với không gian hạn chế. Các ứng dụng hàng hải, công nghiệp và dầu khí. Chúng có sẵn với thời lượng 10 hoặc 15 phút

OPENGO ABEK1 P3



OPENGO ABEK1 P3 là thiết bị lọc dành riêng cho mục đích thoát hiểm trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm hóa chất. Bộ lọc A1B1E1K1 P3 bảo vệ chống lại: Hơi hữu cơ có điểm sôi trên 65 ° C (ví dụ: dung môi). Khí vô cơ (ví dụ như clo, hydro sunfua) Anhydrit axit lưu huỳnh (ví dụ axit sunfuric), Amoni- ac.

LOCKOUT - TAGOUT BRADY



Khóa CB kẹp ngoài



Khóa CB kẹp trong



Khóa CB với thanh nổi



Bộ khóa thanh chặn CB 480/600V

- Kích thước: 1.64 x 0.95 x 0.54 in
- Chất liệu: Nylon gia cố bằng sợi thủy tinh

- Kích thước: 1,64 x 0,95 x 0,54 in
- Chất liệu: Nylon gia cố bằng sợi thủy tinh

- Kích thước: 2,16 x 1,23 x 0,95 in
- Chất liệu: Nylon gia cố bằng sợi thủy tinh

- Bao gồm: (1) Thanh chặn màu xanh lá cây, 7.6", (1) Thanh chặn màu đỏ, 7.6", (2) Thanh chặn màu vàng, 4", (3) Khăn lau cồn



Khóa cô lập van nút



Khóa nhóm



Khóa cáp



Thiết bị cô lập van đa năng

- Kích thước: 3 x 3,21 in
- Chất liệu: Polypropylene

- Kích thước: 4,5 x 2,25 x 0,35 in
- Chất liệu: Thép, Mạ chống rỉ

- Kích thước 5 x 2.4 x 1 in
- Chất liệu Polycarbonate Thép

- Kích thước : 7,05 x 8,82 in
- Chất liệu: Đồng thau, Nylon gia cố bằng sợi thủy tinh, Thép không gỉ



Khóa cô lập van bướm lockout



Khóa cô lập van bi



Khóa cô lập van cổng

- Kích thước: 5.57 x 3.37 x 1 in
- Chất liệu khóa: Nylon

- Kích thước van: 2 đến 8 in
- Chất liệu: Polypropylene

- Kích thước: 9,0 in
- Chất liệu: Nhựa ABS



Khóa cô lập nút bấm 16mm

- Kích thước: 3.2 x 2.5 x 2.5 in
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước: 16mm
- Chất liệu: Polycarbonate



Khóa van khí nén

- Kích thước: 6.25 x 3.47 in
- Chất liệu: Polypropylene

Bộ khóa an toàn cho việc bảo trì Brady



Bộ khóa an toàn điện Brady



HỘP CHỮA HÓA CHẤT



Thùng Kim Loại Đựng Hóa Chất Chống Cháy Justrite 7250130 19 lít

- Thương hiệu: Justrite
- Kích thước đường kính ngoài: 445mm x 298mm
- Kích thước ống: 229mm x 25mm
- Khối lượng tịnh: 3,8 Kg
- Chất liệu: Thép
- Tiêu chuẩn: Tuân thủ FM, UL, ULC, TUV, OSHA, NFPA Code 30, Tuân thủ CARB



Hộp Nhãn Pít-tông Lấy Hóa Chất Justrite 10008 / 10018 0.5 lít

- Thương hiệu: Justrite
- Kích thước đường kính ngoài: 133mm x 124mm
- Khối lượng tịnh: 0,5 Kg
- Thông số kỹ thuật vật liệu: Thép
- Tiêu chuẩn: FM, TUV
- Thiết kế để lại ít chất lỏng hơn dưới đáy trước khi phải đổ đầy lại
- Vành trên có tính năng bảo vệ cạnh đúc



Thùng Chứa Hóa Chất Kim Loại Dung Làm Sạch Bộ Phận Justrite 27602 8 lít

- Thương hiệu: Justrite
- Kích thước đường kính ngoài: 254mm x 238mm
- Khối lượng tịnh: 2.0 Kg
- Thông số kỹ thuật vật liệu: Thép
- Tiêu chuẩn: FM, TUV
- Tự đóng nắp trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn

TỦ ĐỰNG HÓA CHẤT CHỐNG CHÁY



Tủ an toàn chống cháy Sure-Grip EX cho các vật liệu dễ cháy

- Thương hiệu: Justrite
- Mã sản phẩm: 894520/894521/894523/894525v
- Thông số kỹ thuật vật liệu: Thép CR 18-Gauge
- Dung tích: 170 (Lít), 45 (Gallon)
- Loại cửa: Tự đóng
- Kích thước bên ngoài: 1651mm x 1092mm x 457mm
- Khối lượng tịnh: 123,4 kg
- Số lượng kệ: 2
- Tiêu chuẩn: FM, Tuân thủ OSHA, Mã chống cháy quốc tế, Mã NFPA 30
- Màu: Vàng, Đỏ, Xám, Trắng



Tủ khóa an toàn ngoài trời - chống cháy trong 2 giờ

- Thương hiệu: Justrite
- Mã sản phẩm: 912061
- Thông số kỹ thuật vật liệu: Thép
- Dung tích: 208 (Lít), 55 (Gallon)
- Công suất: 2721,6 (Kg), 6000 (Lbs), 6 (55-Gallon Drum)
- Loại cửa: Chống cháy
- Kích thước bên ngoài: 2515mm x 2413mm x 1676mm
- Khối lượng tịnh: 1595,8 Kg
- Dung lượng lưu trữ mét khối (Int Volume): 5,6
- Bảng cứu trợ nổ: (1) - 48 inch x 48 inch
- Tiêu chuẩn: FM, UL, NFPA Code 30, NFPA 1 Fire-Code, EPA
- Màu sắc: Trắng Xám



Speakman SE-490



- 2 vòi phun nhựa màu vàng có nắp đậy chống bụi
- Bồn rửa bằng thép không gỉ Series 300
- Van NPT bằng đồng thau, mạ Crom (SE-490) 1/2 inch
- Van NPT bằng thép không gỉ, van mạ Crom (SE-490-SS) 1/2 inch
- Tay cầm đẩy bằng thép không gỉ
- Lắp lỗ đầu vào NPT 1/2 inch
- 4.5 gpm @ 30 psi
- Bao gồm dấu hiệu khẩn cấp phổ biến
- Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z358.1



Speakman SE-603

- Vòi sen bằng nhựa màu vàng có đường kính 8 inch
- Kiểm soát lưu lượng bộ điều chỉnh 20 gpm bên trong
- NPT 1 inch bằng đồng thau, van bi mở toàn phần được mạ Crom
- Kích hoạt thanh kéo hình tam giác bằng thép không gỉ
- Stanchion là đường ống thép mạ kẽm 1 1/4 inch với phụ kiện bằng đồng
- 1 1/4 inch đầu vào và lắp lỗ rác thải NPT
- Kết thúc bằng thép không gỉ
- 20 gpm @ 30 psi rửa mắt/ rửa mặt: SE-400
- 6 thiết bị sục khí mạ Crom, thân đồng thau được bao bọc nhựa
- Bồn rửa bằng thép không gỉ
- Van 1/2 inch NPT bằng đồng thau, mạ Crom
- Tay cầm đẩy bằng thép không gỉ
- Lắp lỗ đầu vào NPT 1/2 inch
- 9.3 gpm @ 30 psi
- Bao gồm các dấu hiệu khẩn cấp phổ biến
- Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z358.1



Speakman SE-580



- 2 vòi phun nhựa màu vàng có khí
- Bồn rửa bằng nhựa ABS
- Van NPT bằng đồng thau, mạ Crom, 1/2 inch
- Tay cầm đẩy bằng thép không gỉ
- Lắp lỗ đầu vào NPT 1/2 inch
- 3.18 gpm @ 30 psi
- Bộ thoát nước bồn liền với khớp nối NHT 1/2 inch
- Bao gồm các dấu hiệu khẩn cấp phổ biến
- Tiêu chuẩn: ANSI/ISEA Z358.1

Speakman SE-690



TÍNH NĂNG RỬA MẮT/ MẶT:

- Bồn rửa bằng thép không gỉ
- 2 vòi phun nhựa màu vàng có nắp đậy bật chống bụi
- Van NPT 1/2 inch bằng đồng thau, mạ Crom, van bi mở toàn bộ dòng chảy
- Tay cầm đẩy bằng thép không gỉ
- Đầu vào NPT 1/2 inch
- 4.5 gpm @ 30 psi
- Bao gồm các dấu hiệu khẩn cấp phổ biến

TÍNH NĂNG VÒI TẮM ĐÚNG:

- Vòi sen 8 inch bằng nhựa màu vàng
- Kiểm soát lưu lượng bên trong hạn chế 20 gpm
- NOT bằng đồng thau 1 inch, mạ Crom, van bi mở toàn bộ dòng chảy
- Lớp phủ sơn tĩnh điện màu vàng, hoạt động bằng thanh kéo tam giác nhôm
- Giá đỡ và phụ kiện đường ống IPS bằng thép mạ kẽm 1 1/4 inch
- Đầu vào NPT và chất thải 1 1/4 inch
- Lớp phủ sơn tĩnh điện trên giá đỡ để tăng độ bền và tăng cường khả năng chống mài mòn
- 20 gpm @ 30 psi

Speakman SE-4000



- Bồn rửa mắt di động SE-4000 sử dụng lực hút có dung tích 21 (79.8 lít)
- Thông số kỹ thuật:**
- Trọng lượng vận chuyển: 23 3/4 lbs
- Trọng lượng khi làm đầy: 198 lbs
- Hoạt động: Dùng tay kéo vòi phun
- Tiêu chuẩn: ASME a112.18.1



Speakman SE-4210



- Sử dụng được với các loại bồn rửa mắt di động như SE-4000 Gravityflo và SE-590
- Thành phần: Chlorohexidine Gluconate
- Pha dung dịch với nước sạch
- Pha toàn bộ dung tích của chai cho mỗi lần sử dụng
- Thay đổi dung dịch tối thiểu sau 6 tháng
- Đáp ứng các yêu cầu của Phương pháp kiểm tra hiệu quả với các chất bảo quản chống vi khuẩn USP 23

Speakman SE-4260



- Xe đẩy di động SE-4260 dùng để vận chuyển thiết bị rửa mắt/ mắt di động
- Thông số kỹ thuật:**
- Khung: Ống và kênh kết cấu sắt 1 inch & 1-1/2 inch
- Bánh xe: cao su 5 inch. Bánh sau xoay và có khóa
- Màu sắc: Xanh, lớp phủ sơn tĩnh điện
- Trọng lượng vận chuyển: 65 lb

Speakman SE-340



- Bường tắm vòi sen gắn trên sàn có tính năng khử độc nhanh chóng, triệt để và làm ướt từ 16 vòi phun khác nhau trên cơ thể. Hai ống thép vững chắc và ống thép mạ kẽm đảm bảo sử dụng trong nhiều năm.
- Thông số kỹ thuật:**
- Đầu phun bằng đồng, mạ Crom 16 1-1/2 inch
- Van: Bằng đồng thau NPT 1-1/2 inch
- Hoạt động: Dùng tay đẩy bằng thép không gỉ
- Ống: Thép mạ kẽm IPS 1 inch
- Đầu vào: NPT 1-1/2 inch NPT
- Khung phun: 2 Tấm thép
- Màu sắc: Xanh lá cây
- Trọng lượng vận chuyển: 445 lbs
- Tiêu chuẩn: ANSI Z358.1

CỌC GIAO THÔNG



Cọc giao thông 272



Cọc giao thông



Cọc giao thông với rào chắn

BẢNG CẢNH BÁO



Bảng cảnh báo



Bảng cảnh báo sàn ướt



Biển cảnh báo nguy hiểm

BĂNG KEO DÁN SÀN VÀ CUỘN DÂY RÀO CẢNH BÁO



Cuộn rào cảnh báo



Băng keo cảnh báo



Băng keo cảnh báo

Mã sản phẩm	Hình sản phẩm	Mô tả
Bộ ứng cứu tràn hóa chất 3M CSRK-180		- Bộ bao gồm: 12 phao quây thấm hóa chất P200, 8 gói thấm hóa chất P300, 3 tấm thấm hóa chất dạng tờ gấp C-FL550DD, 2 mặt nạ chống hóa chất dùng 1 lần 3M 4277 (A1B1E1P2), 2 kính chống hóa chất, 2 bộ quần áo chống hóa chất 3M 4510 size XL, 2 đôi găng tay chống hóa chất, 1 thùng có bánh xe 240L, 5 túi đựng chất thải nguy hiểm, 1 quy trình ứng phó sự cố tràn, 5 dấu niêm phong
Bộ Ứng Cứu Sự Cố Tràn Dầu Hóa Chất 3M OSRK-190		- Bộ bao gồm: 25 miếng thấm dầu 3M HP156, 2 phao quây thấm hóa chất T280, 2 tấm thấm dầu dạng tờ gấp - PFL550DD, 2 mặt nạ 3M 4251 (A1P2), 2 kính an toàn 3M Fahrenheit, 2 áo khoác dùng một lần XL 3M 4530+, 2 đôi găng tay chống dầu, thùng rác 240L, 5 túi đựng chất thải bị ô nhiễm, 1x quy trình ứng phó sự cố tràn, miếng đệm lót 5x - Có thể được tái sử dụng, với 90% lượng dầu hấp thụ có thể được tách ra và thu hồi
Bộ Ứng Cứu Sự Cố Đa Năng 3M MSRK-210		- Bộ bao gồm: 50 tấm thấm hút xăng dầu 3M, 3 phao quây thấm hút xăng dầu 3M, 2 cuộn thấm hút 3M, 1 bao hạt thấm hút chuyên dụng 3M, 1 bộ đồ bảo hộ dùng 1 lần 3M™ 4510 XL, 1 thùng chứa 240L, 2 đôi găng tay bảo vệ, 5 túi đựng chất thải, 1 quyển hướng dẫn sử dụng - Sử dụng lý tưởng cho nhà kho, nhà máy và xưởng,...
Phao quây thấm dầu - Nhiên liệu 3M T270		- Có thể tái sử dụng, với 90% lượng dầu hấp thụ có thể được tách ra và thu hồi - Ống được bọc bằng vật liệu hấp thụ dạng hạt Scrim được bảo vệ bằng lưới - Chiều dài tổng thể (3.05 mét) x Chiều rộng tổng thể (254 mm) - Khu vực tràn: Bến tàu / cầu tàu / thuyền, suối / sông / hồ - Loại tràn: Dầu Hydrocacbon - nhiên liệu / diesel / động cơ, dầu khoáng - Thiết kế xi lanh đôi độc đáo giúp tối đa hóa sự hấp thụ và giảm thiểu sự thoát ra của các vết dầu trong nước chảy
Cuộn hút dầu 3M HP-100		- Được sử dụng trong các ứng dụng hấp thụ dầu - Được thiết kế với lớp lót ở một bên, HP-100 có thể vắt khô và tái sử dụng nhiều lần - Chiều dài tổng thể (40 m) x Chiều rộng tổng thể (960 mm) - Khu vực tràn: Bến tàu / thuyền, khu vực pha chế nhiên liệu, máy móc / thiết bị công nghiệp, suối / sông / hồ - Loại tràn: Dầu hydrocacbon - Nhiên liệu / Diesel / Động cơ, Dầu khoáng - Khuyến nghị ngành: Nông nghiệp, ô tô, hóa chất, xây dựng, sản xuất chung, chăm sóc sức khỏe, Quân sự, khai thác mỏ, dầu khí, dược phẩm, kim loại chính, giao thông vận tải cảnh quan có vết dầu trong nước chảy
Phao quây thấm hóa chất 3M P-200		- Được sử dụng với các loại hoá chất thuộc nhóm acid/ kiềm/ cồn, chất lỏng dễ cháy, chất làm lạnh, chất lỏng hoà tan, xăng, dung môi chứa các gốc hydrocarbon gắn nhóm Clo - Chiều dài tổng thể (1,22 m) x Chiều rộng tổng thể (76 mm) - Khu vực tràn: Sản xuất hóa chất, bến tàu / trụ / thuyền, phòng thí nghiệm - Loại tràn: Axit / kiềm / cồn, hóa chất, chất lỏng dễ cháy, dung môi - Hydrocacbon Clo hóa - Khuyến nghị ngành: Nông nghiệp, ô tô, hóa chất, xây dựng, sản xuất chung, chăm sóc sức khỏe, quân đội, khai thác mỏ, dầu khí, dược phẩm, kim loại chính, vận tải



Bảo vệ chân



Bảo vệ khớp gối



Bảo vệ lưng



Bảo vệ mắt cá chân



Bảo vệ khớp cổ



Bảo vệ khuỷu tay